

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 1 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 110849 đến Mã số : 110872

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120003	110849	HỒ THÁI AN	31/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.9	11	12	
2	230002	110850	NGUYỄN HOÀI AN	26/07/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.1	9.9	11	23	
3	560008	110851	VŨ HOÀNG AN	30/09/2010	Nam Định	Xuân Ngọc	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.7	7.1	8.9	11	56	
4	170016	110852	VŨ THỊ HÀ AN	23/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	9.8	11	17	
5	560010	110853	NGUYỄN MAI THỰC AN	05/03/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.2	9.5	11	56	
6	120036	110854	MAI LAN ANH	13/10/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.7	11	12	
7	560029	110855	NGUYỄN DUY ANH	19/08/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.6	9.3	11	56	
8	560030	110856	NGUYỄN ĐỨC ANH	18/02/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	9	9.3	11	56	
9	180018	110857	NGUYỄN MAI ANH	06/03/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	8.9	11	18	
10	210018	110858	NGUYỄN MAI ANH	10/07/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.4	11	21	
11	120047	110859	NGUYỄN QUỲNH ANH	16/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.8	11	12	
12	120048	110860	NGUYỄN QUỲNH ANH	07/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.8	11	12	
13	170045	110861	NGUYỄN VIỆT ANH	21/11/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.5	7.5	8	11	17	
14	550024	110862	PHAN QUỲNH ANH	18/02/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.1	9.5	11	55	
15	400027	110863	PHẠM NGỌC ANH	27/05/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.6	9.8	11	40	
16	620011	110864	PHẠM THẾ ANH	02/06/2010	Nam Định	TT Rạng Đông	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.7	9	11	62	
17	120062	110865	TRẦN DUY ANH	19/02/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	9	11	12	
18	120063	110866	TRẦN ĐỨC ANH	27/06/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	9.1	11	12	
19	370028	110867	TRẦN HỒNG ANH	22/04/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.1	9.9	11	37	
20	120065	110868	TRẦN MAI ANH	21/06/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.2	9.3	11	12	
21	120067	110869	TRẦN MINH ANH	01/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.4	9.8	11	12	
22	120069	110870	TRẦN PHƯƠNG ANH	24/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.8	11	12	
23	370029	110871	TRẦN PHƯƠNG ANH	03/09/2010	Nam Định	Nam Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	9.6	11	37	
24	370030	110872	TRẦN THUY ANH	17/08/2010	Nam Định	Liên Hải	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.5	11	37	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.
- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:
- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ... SBD vắng :
- Số thí sinh dự thi môn Toán : ... SBD vắng :
- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ... SBD vắng :
- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ... SBD vắng :
- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

Họ tên, chữ ký của các giám thị

- 1.
- 2.

Buổi thi thứ 1

- 1.
- 2.

Buổi thi thứ 2

- 1.
- 2.

Buổi thi thứ 3

- 1.
- 2.

Buổi thi chuyên NV1

- 1.
- 2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 2 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 110873 đến Mã số : 110896

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120074	110873	VÕ HẢI ANH	05/01/2010	Thành phố Hà Nội	Tổng Văn Trân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	10	11	12	
2	310022	110874	VŨ HOÀNG ANH	18/12/2010	Lào Cai	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8	8.6	11	31	
3	500035	110875	VŨ NHẬT ANH	16/05/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.5	10	11	50	
4	560052	110876	VŨ PHAN ANH	09/01/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.4	10	11	56	
5	600033	110877	ĐOÀN THỊ CHÂU ANH	22/10/2010	Nam Định	xã Nghĩa Châu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9.3	11	60	
6	230022	110878	LƯƠNG THỊ HẠ ANH	27/09/2010	Nam Định	xã Hiền Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.7	9	11	23	
7	370035	110879	ĐỖ BÙI KIM ANH	08/11/2010	Nam Định	Nam Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9.3	11	37	
8	400042	110880	ĐỖ THỊ LAN ANH	12/07/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	9	9.8	11	40	
9	500046	110881	PHẠM NGỌC MINH ANH	26/09/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.6	11	50	
10	120093	110882	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	08/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.8	11	12	
11	370043	110883	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	30/06/2010	Nam Định	Nam Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.6	11	37	
12	120099	110884	HOÀNG NGUYỄN TRÂM ANH	23/06/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.6	9.6	11	12	
13	120101	110885	NGÔ DUY TRƯỜNG ANH	23/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.8	9.4	11	12	
14	560060	110886	TRỊNH NGỌC TUẤN ANH	04/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.1	9.9	11	56	
15	120102	110887	TRẦN LÊ TÚ ANH	29/04/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.3	9.9	11	12	
16	300040	110888	BÙI THỊ VĂN ANH	17/01/2010	Thái Bình	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	9.9	11	30	
17	560067	110889	NGUYỄN NGỌC ÁNH	20/07/2010	Nam Định	thị trấn Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	7.3	9.8	11	56	
18	400061	110890	BÙI QUỐC BẢO	15/03/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.3	9.8	11	40	
19	560086	110891	TRẦN GIA BẢO	28/03/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.6	9.5	11	56	
20	140071	110892	VŨ HOÀNG GIA BẢO	13/07/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	9.4	11	14	
21	200050	110893	VŨ XUÂN BÌNH	09/12/2010	Nam Định	Vĩnh Hào	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	7.8	11	20	
22	600078	110894	PHẠM GIA CĂN	24/03/2010	Hà Nội	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.3	9.7	11	60	
23	210064	110895	BÙI BẢO CHÂU	24/07/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.7	11	21	
24	400071	110896	HOÀNG MINH CHÂU	24/09/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.7	9.8	11	40	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng :

- Số thí sinh dự thi môn Văn :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên :

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 3 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 110897 đến Mã số : 110920

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170113	110897	TRẦN BẢO CHÂU	12/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.8	11	17	
2	170114	110898	VŨ BẢO CHÂU	21/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.4	9.8	11	17	
3	120140	110899	BÙI HIỀN CHI	23/06/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	9.3	11	12	
4	170122	110900	BÙI THẢO CHI	10/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.5	9.9	11	17	
5	560099	110901	ĐẶNG QUÊ CHI	13/01/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.9	11	56	
6	400075	110902	LƯƠNG QUỲNH CHI	05/05/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.5	11	40	
7	120146	110903	NGÔ HÀ CHI	26/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.9	11	12	
8	120150	110904	PHẠM KHÁNH CHI	01/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.5	9.9	11	12	
9	400084	110905	TRẦN THỊ LINH CHI	17/01/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.7	9.6	11	40	
10	210069	110906	TRẦN CÔNG CHIẾN	09/09/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.8	8.4	11	21	
11	600094	110907	TRƯƠNG ĐÌNH CHIẾN	12/02/2010	Nam Định	xã Nghĩa Thịnh	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.5	7.4	9.6	11	60	
12	220045	110908	ĐỖ NGỌC CHUÔNG	08/05/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	10	11	22	
13	400097	110909	HOÀNG CÔNG DANH	10/02/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.2	9.7	11	40	
14	120168	110910	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	15/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.9	11	12	
15	400107	110911	NGUYỄN NGỌC DIỆU	23/11/2010	Nam Định	Hải Phương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.6	9.7	11	40	
16	400113	110912	PHẠM THẾ DOANH	29/10/2010	Nam Định	Hải Phương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.5	9.5	11	40	
17	560151	110913	PHẠM PHƯƠNG DUNG	04/10/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.5	9.7	11	56	
18	560156	110914	HOÀNG THỌ DŨNG	17/12/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.8	11	56	
19	170150	110915	LƯƠNG TRUNG DŨNG	26/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	7.7	9.4	11	17	
20	170153	110916	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	14/07/2010	Nam Định	Tổng Văn Trần	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	7.7	9.7	11	17	
21	180103	110917	NGUYỄN VIỆT DŨNG	26/02/2010	Hà Nam	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.5	9.8	11	18	
22	500148	110918	BÙI THỦY DƯƠNG	27/11/2010	Nam Định	Giao Nhân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.3	9.9	11	50	
23	400130	110919	PHẠM THỦY DƯƠNG	09/01/2010	Nam Định	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.6	11	40	
24	350147	110920	BÙI TIẾN ĐẠT	08/01/2010	Nam Định	Trực Đạo	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9	9.5	11	35	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 4 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 110921 đến Mã số : 110944

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560165	110921	ĐINH QUANG ĐẠT	28/09/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	10	11	56	
2	210112	110922	NGUYỄN HỮU ĐẠT	24/12/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	8.8	11	21	
3	240143	110923	VŨ ĐÌNH ĐẠT	09/03/2010	Nam Định	Yên Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.8	11	24	
4	170184	110924	LÊ PHAN TIẾN ĐẠT	12/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	6.8	9.4	11	17	
5	120201	110925	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	20/12/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.7	9.9	11	12	
6	120202	110926	PHẠM HẢI ĐĂNG	10/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.1	10	11	12	
7	120211	110927	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	26/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.5	9.7	11	12	
8	350164	110928	BÙI MINH ĐỨC	25/05/2010	Nam Định	Trực Đạo	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	9.4	11	35	
9	220083	110929	ĐÀO MINH ĐỨC	26/04/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.5	9.9	11	22	
10	120212	110930	LÊ MINH ĐỨC	13/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.8	11	12	
11	170199	110931	LƯƠNG TRUNG ĐỨC	26/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.2	9.1	11	17	
12	120221	110932	ĐỖ HƯƠNG GIANG	21/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.4	9.7	11	12	
13	120224	110933	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	26/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.5	10	11	12	
14	500183	110934	PHÙNG HƯƠNG GIANG	18/07/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	10	11	50	
15	180145	110935	TRẦN HƯƠNG GIANG	09/03/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.5	11	18	
16	170213	110936	VŨ HƯƠNG GIANG	03/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.9	11	17	
17	120226	110937	TRẦN VIỆT CHÂU GIANG	26/01/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	10	11	12	
18	120227	110938	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	09/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	9.7	11	12	
19	120229	110939	TRẦN DIỆU HƯƠNG GIANG	29/06/2010	Thành phố Hà Nội	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9	11	12	
20	120239	110940	NGUYỄN NGỌC HÀ	04/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	9.9	11	12	
21	240176	110941	NGUYỄN THU HÀ	24/11/2010	Nam Định	Yên Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.5	11	24	
22	120242	110942	TRẦN NGỌC HÀ	09/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.1	9.8	11	12	
23	120243	110943	TRẦN THU HÀ	18/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	9.9	11	12	
24	120244	110944	TRỊNH KHÁNH HÀ	09/11/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	9.4	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 5 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 110945 đến Mã số : 110968

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	180159	110945	ĐẶNG LÊ MẠNH HÀ	02/06/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.4	11	18	
2	120247	110946	PHẠM ĐIỂM MINH HÀ	14/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.4	9.8	11	12	
3	310147	110947	VŨ PHƯƠNG HẠNH	07/11/2010	Nam Định	Nam Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.3	9.3	11	31	
4	370138	110948	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	06/01/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.3	9.9	11	37	
5	550192	110949	NGUYỄN THỊ NHƯ HẢO	07/12/2010	Nam Định	Xuân Châu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.3	9.8	11	55	
6	120271	110950	LÊ VŨ PHƯƠNG HIỀN	22/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.4	9.1	11	12	
7	620163	110951	LƯƠNG THẾ HIỀN	10/01/2010	Nam Định	TT Rang Đông	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	7.3	9.2	11	62	
8	120274	110952	TRẦN PHƯƠNG HOA	25/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.4	9.9	11	12	
9	220110	110953	NGUYỄN TRẦN MAI HOA	16/11/2010	Son La	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	9.9	11	22	
10	170266	110954	NGUYỄN QUỐC HOÀN	10/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.6	7	8.1	11	17	
11	170268	110955	BÙI XUÂN HOÀNG	02/05/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.5	9.1	11	17	
12	120276	110956	ĐỖ CAO HOÀNG	20/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	9.7	11	12	
13	170269	110957	TRẦN MINH HOÀNG	16/05/2010	Nam Định	Việt Hùng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.6	11	17	
14	600211	110958	TRƯƠNG HUY HOÀNG	10/11/2010	Nam Định	xã Nghĩa Thịnh	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.6	7.1	8.1	11	60	
15	600221	110959	PHẠM GIA HUY	15/01/2010	Nam Định	xã Nghĩa Thịnh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.8	11	60	
16	240225	110960	PHẠM GIA HUY	24/12/2010	Thành phố Hà Nội	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.8	9.6	11	24	
17	120290	110961	PHẠM KHÁNH HUY	27/06/2010	Thành phố Hà Nội	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.6	9.6	11	12	
18	120294	110962	TRẦN QUANG HUY	24/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.4	9.9	11	12	
19	120295	110963	VŨ GIA HUY	08/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.6	11	12	
20	170296	110964	NGUYỄN HUY HÙNG	26/10/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	9.2	11	17	
21	120305	110965	NGUYỄN MẠNH HÙNG	12/09/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.4	9.4	11	12	
22	170299	110966	BÙI DUY HÙNG	28/07/2010	Nam Định	Mỹ Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.9	9.7	11	17	
23	120308	110967	BÙI VIỆT HÙNG	31/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	9.9	11	12	
24	300182	110968	NGUYỄN GIA HÙNG	23/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.5	9.1	11	30	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 6 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 110969 đến Mã số : 110992

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170305	110969	NGUYỄN GIA HÙNG	10/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	6.7	8.8	11	17	
2	120310	110970	NGUYỄN QUANG HÙNG	14/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	9.6	11	12	
3	140210	110971	VŨ TUẤN HÙNG	10/01/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	6.8	9.1	11	14	
4	370181	110972	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	18/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.9	9.8	11	37	
5	120320	110973	PHẠM NGỌC LINH HƯƠNG	19/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.9	11	12	
6	270123	110974	DƯƠNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	16/10/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	9.8	11	27	
7	120321	110975	PHẠM TRẦN QUỲNH HƯƠNG	03/11/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.9	9.9	11	12	
8	310208	110976	TRẦN VĂN KHANG	19/08/2010	Nam Định	Nam Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.3	9.9	11	31	
9	250217	110977	NGUYỄN VĂN KHÁNH	01/09/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.6	9.5	11	25	
10	120336	110978	BÙI NGUYỄN KIM KHÁNH	28/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8	9.4	11	12	
11	120346	110979	ĐOÀN ANH KHÔI	07/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	9.5	11	12	
12	170353	110980	ĐOÀN NGUYỄN KHÔI	11/09/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8	9.3	11	17	
13	120348	110981	ĐẶNG HỮU MINH KHÔI	02/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.3	9.7	11	12	
14	200180	110982	VŨ MINH KHUÊ	13/09/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	10	11	20	
15	120351	110983	TRẦN TRUNG KIÊN	28/07/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.1	9.3	11	12	
16	140230	110984	HOÀNG HOA MỘC LAN	20/11/2010	Nam Định	Nghĩa An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	8.6	9.1	11	14	
17	170369	110985	NGUYỄN THÙY LÂM	11/08/2010	Nam Định	Mỹ Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.2	8.8	11	17	
18	170372	110986	PHẠM TÙNG LÂM	23/04/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	7.2	8.9	11	17	
19	120366	110987	NGUYỄN TRẦN ANH LÂN	13/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.8	11	12	
20	180258	110988	TRẦN THỊ LIÊN	02/12/2010	Thái Bình	Mỹ Hà	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	9.1	11	18	
21	120375	110989	ĐỖ PHƯƠNG LINH	21/10/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.8	11	12	
22	210215	110990	HÀ GIA LINH	23/11/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	10	11	21	
23	210216	110991	HOÀNG KHÁNH LINH	15/09/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.1	9.1	11	21	
24	310228	110992	LƯƠNG MAI LINH	12/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.3	9.7	11	31	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 7 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 110993 đến Mã số : 111016

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	220178	110993	NGUYỄN KHÁNH LINH	20/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9.8	11	22	
2	170395	110994	PHẠM PHƯƠNG LINH	20/05/2010	Nam Định	Nguyễn Hiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	7.8	9.5	11	17	
3	600283	110995	PHẠM PHƯƠNG LINH	27/07/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.7	9.8	11	60	
4	120395	110996	TỔNG KHÁNH LINH	15/10/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.9	11	12	
5	120396	110997	TRẦN BẢO LINH	10/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.8	11	12	
6	120404	110998	TRIỆU MAI LINH	23/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.1	9.8	11	12	
7	120405	110999	VŨ GIA LINH	18/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.8	11	12	
8	210222	111000	VŨ KHÁNH LINH	02/06/2010	Nam Định	Đại An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.7	9.5	11	21	
9	120408	111001	VŨ PHƯƠNG LINH	30/04/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9	9.6	11	12	
10	560285	111002	ĐẶNG VŨ DIỆU LINH	06/03/2010	Thái Bình	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.4	10	11	56	
11	240290	111003	DƯƠNG THỊ HẢ LINH	28/04/2010	Ninh Bình	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	9.7	11	24	
12	260245	111004	LÊ HỒNG KHÁNH LINH	24/10/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	9.9	11	26	
13	210228	111005	NGÔ TRẦN KHÁNH LINH	08/01/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.1	11	21	
14	120418	111006	VŨ NGỌC KHÁNH LINH	21/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.8	11	12	
15	120421	111007	NGUYỄN HOÀNG NHẬT LINH	23/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.1	9.7	11	12	
16	240292	111008	NINH THỊ NHẬT LINH	02/09/2010	Nam Định	Yên Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.1	11	24	
17	240304	111009	DƯƠNG DOÃN BẢO LONG	19/02/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.9	9.8	11	24	
18	560302	111010	ĐẶNG KHÁNH LY	04/02/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.3	10	11	56	
19	600304	111011	TRẦN KHÁNH LY	18/11/2010	Quảng Ninh	TT Quỳ Nhất	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8	9.6	11	60	
20	560307	111012	BÙI PHƯƠNG MAI	29/01/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.6	11	56	
21	550356	111013	LÃ HIỀN MAI	16/01/2010	Nam Định	Xuân Châu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.1	9.8	11	55	
22	120450	111014	PHẠM TRẦN PHƯƠNG MAI	25/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	9.1	11	12	
23	120453	111015	PHAN DUY MẠNH	18/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	9.4	11	12	
24	120463	111016	LƯƠNG BÌNH MINH	25/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.4	9.7	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 8 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 111017 đến Mã số : 111040

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	180301	111017	NGUYỄN QUANG MINH	01/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.3	6.5	9	11	18	
2	550370	111018	PHẠM NHẬT MINH	28/10/2010	Thành phố Hà Nội	Xuân Châu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.6	9.3	11	55	
3	560317	111019	PHẠM QUANG MINH	17/04/2010	Thành phố Hà Nội	Xuân Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.5	11	56	
4	120474	111020	PHÙNG NGUYỆT MINH	31/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.4	10	11	12	
5	610218	111021	TRẦN NHẬT MINH	22/05/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.8	9.6	11	61	
6	220219	111022	BÙI TRẦN BẢO MINH	09/09/2010	Thái Bình	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.1	9.5	11	22	
7	500321	111023	NGUYỄN NGỌC YÊN MINH	22/07/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	10	11	50	
8	120485	111024	ĐINH HÀ MY	19/02/2010	Nam Định	Hãn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	9.8	11	12	
9	120492	111025	ĐINH MAI HÀ MY	21/03/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.9	11	12	
10	120495	111026	NGÔ THỊ TRẢ MY	18/11/2010	Nam Định	Nam Toàn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.9	11	12	
11	200264	111027	TRẦN NGỌC PHƯƠNG NGA	04/05/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.9	11	20	
12	310294	111028	ĐOÀN HỒNG NGÂN	12/03/2010	Nam Định	TT Nam Giang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.9	11	31	
13	180321	111029	HOÀNG KIM NGÂN	01/07/2010	Hà Nam	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	9.8	9.8	11	18	
14	120508	111030	PHẠM THANH NGÂN	16/11/2010	Nam Định	Nam Phong	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.8	9.7	11	12	
15	380285	111031	ĐỒNG TRỌNG NGHĨA	20/11/2010	Nam Định	Trực Khang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.4	9.1	11	38	
16	120520	111032	LÊ KHÁNH NGỌC	17/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.6	9.9	11	12	
17	370283	111033	NGUYỄN BẢO NGỌC	06/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	9.8	11	37	
18	120524	111034	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	11/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.7	9.6	11	12	
19	560355	111035	TRẦN THỊ KHÁNH NGỌC	13/05/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.8	9.8	11	56	
20	120541	111036	PHẠM THẢO NGUYỄN	27/06/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	8.5	11	12	
21	120544	111037	PHẠM THỊ KHÁNH NGUYỄN	16/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.8	11	12	
22	360288	111038	NGUYỄN NGÔ KHÔI NGUYỄN	02/12/2010	Nam Định	Trực Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.6	9.3	11	36	
23	560362	111039	NGUYỄN THIỆT NHÂN	04/10/2010	Nam Định	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.2	9.7	11	56	
24	370300	111040	VŨ MINH NHẬT	04/01/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	9.7	11	37	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 9 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 111041 đến Mã số : 111064

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120577	111041	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	17/06/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.4	9.9	11	12	
2	170551	111042	BÙI KHÁNH NHƯ	28/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	9	11	17	
3	120581	111043	HOÀNG PHƯƠNG OANH	12/10/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.5	9.9	11	12	
4	400381	111044	TRẦN DUY PHÁT	18/02/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.6	9.8	11	40	
5	570287	111045	NGUYỄN PHẠM TUẤN PHÁT	29/09/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	8.9	8.9	11	57	
6	510363	111046	BÙI VIỆT PHONG	19/09/2010	Nam Định	Bạch Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	9.7	11	51	
7	170563	111047	NGUYỄN TIÊN PHONG	16/01/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.6	9.3	11	17	
8	250359	111048	NGUYỄN PHẠM TRƯỜNG PHONG	02/06/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8	9.9	11	25	
9	120592	111049	TRẦN HỮU PHÚC	18/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.7	9.4	11	12	
10	120593	111050	TRẦN QUANG PHÚC	06/09/2010	Thành phố Hà Nội	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.6	11	12	
11	120594	111051	LẠI THỊ HỒNG PHÚC	17/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.8	9.2	11	12	
12	330321	111052	NGUYỄN TRẦN HỒNG PHÚC	11/08/2010	Nam Định	Nam Phong	A	Tốt	Đạt	Đỗ			5.3	6.5	8.1	11	33	
13	170572	111053	TRẦN THẾ MINH PHÚC	08/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.7	7.5	8.4	11	17	
14	170574	111054	HOÀNG HÀ PHƯƠNG	02/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.9	11	17	
15	120606	111055	PHẠM HÀ PHƯƠNG	14/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.3	9.8	11	12	
16	400393	111056	NGUYỄN LÊ ÁNH PHƯƠNG	20/05/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.6	9.8	11	40	
17	260365	111057	TRƯƠNG QUỐC PHƯỚC	10/08/2010	Nam Định	Yên Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	9.8	11	26	
18	370338	111058	VŨ PHẠM MINH QUANG	19/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.9	11	37	
19	120633	111059	TRẦN MINH QUÂN	22/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.9	11	12	
20	200316	111060	NGUYỄN HÀ ANH QUÂN	24/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8	9.7	11	20	
21	170601	111061	TRẦN LÊ MINH QUÂN	01/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.3	9.9	11	17	
22	310384	111062	ĐOÀN THỊ NHƯ QUỲNH	29/08/2010	Nam Định	TT Nam Giang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.4	11	31	
23	120641	111063	LÊ NGỌC NHƯ QUỲNH	04/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.6	9.8	11	12	
24	120646	111064	HOÀNG ANH SƠN	01/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.1	9.7	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 10 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 111065 đến Mã số : 111088

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	240459	111065	ĐÀO THANH THANH	24/07/2010	Thành phố Hải Phòng	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	9.7	11	24	
2	300347	111066	ĐOÀN ĐAN THANH	21/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.2	10	11	30	
3	120656	111067	NGUYỄN ĐAN THANH	18/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.8	11	12	
4	300349	111068	PHẠM NHẬT THANH	21/06/2010	Nam Định	Nam Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.7	8.3	9.9	11	30	
5	120657	111069	NGUYỄN DOÃN AN THANH	20/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.2	9.1	9.6	11	12	
6	360356	111070	BÙI PHƯƠNG THẢO	28/01/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.6	9.3	11	36	
7	370365	111071	HOÀNG THỊ THẢO	08/04/2010	Nam Định	Việt Hùng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	9.2	11	37	
8	170636	111072	TRẦN PHƯƠNG THẢO	23/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.5	8.4	11	17	
9	120678	111073	LÊ VŨ PHƯƠNG THẢO	22/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	7.5	9.2	11	12	
10	220325	111074	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	10/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.3	10	11	22	
11	240480	111075	VŨ VIỆT THẮNG	13/10/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	7.8	9.7	11	24	
12	240481	111076	ĐINH VẠN CHIẾN THẮNG	02/01/2010	Nam Định	Yên Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.4	9.5	11	24	
13	500468	111077	TRẦN THỊ ANH THƠ	22/07/2010	Nam Định	Giao Thanh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.6	9.2	11	50	
14	120688	111078	LÃ MINH THU	20/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.8	11	12	
15	620403	111079	PHẠM THANH THU	23/05/2010	Nam Định	TT Rạng Đông	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8	9.2	11	62	
16	560481	111080	ĐINH MINH THỦY	18/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.9	10	11	56	
17	550553	111081	NGUYỄN THU THỦY	26/04/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.1	10	11	55	
18	240499	111082	NINH THU THỦY	31/07/2010	Nam Định	Yên Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.4	11	24	
19	310428	111083	TRẦN THỊ THANH THỦY	24/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	9.9	11	31	
20	120701	111084	ĐỖ ANH THƯ	05/08/2010	Nam Định	Tổng Văn Trần	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.8	10	11	12	
21	170654	111085	NGUYỄN MINH THƯ	01/10/2010	Nam Định	Lộc Vượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.2	9	11	17	
22	120707	111086	PHẠM ANH THƯ	26/11/2010	Nam Định	Nam Toàn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	9.8	11	12	
23	180459	111087	TRẦN ANH THƯ	08/09/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.4	11	18	
24	120709	111088	ĐỖ PHẠM ANH THƯ	16/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.4	9.8	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 11 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 111089 đến Mã số : 111105

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120714	111089	DƯƠNG THUY TIÊN	20/10/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.8	11	12	
2	120716	111090	TRẦN NGUYỄN THUY TIÊN	04/12/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9	9.9	11	12	
3	120723	111091	ĐỖ QUỲNH TRANG	14/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	9.7	11	12	
4	120728	111092	NGUYỄN HUYỀN TRANG	04/04/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.3	9.3	11	12	
5	300402	111093	NGUYỄN YẾN TRANG	02/12/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.9	9.4	11	30	
6	120733	111094	PHẠM MINH TRANG	28/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.8	11	12	
7	120734	111095	TRẦN THU TRANG	09/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.8	11	12	
8	120741	111096	NGUYỄN VŨ MINH TRANG	08/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9	9.8	11	12	
9	600515	111097	HOÀNG BẢO TRÂM	20/09/2010	Thừa Thiên Huế	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	9.8	11	60	
10	120749	111098	LÊ BẢO TRÂM	10/07/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.2	9.6	11	12	
11	400497	111099	LUU THỦY TRINH	13/10/2010	Nam Định	Giao Thịnh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.4	11	40	
12	120754	111100	NGUYỄN VĂN TRINH	06/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.8	11	12	
13	170694	111101	TRẦN ĐỨC TRUNG	14/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	7.7	9.1	11	17	
14	560524	111102	NGUYỄN VŨ THANH TRÚC	23/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.5	10	11	56	
15	120763	111103	NGUYỄN THÀNH TUẤN	20/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	9.6	11	12	
16	550620	111104	NGUYỄN QUỐC TUẤN	11/08/2010	Nam Định	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.3	9.4	11	55	
17	220391	111105	TRẦN QUỐC TUẤN	17/11/2010	Nam Định	Vĩnh Hào	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.9	7	11	22	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ lập lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 12 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Anh Chuyên

Mã số : 111106 đến Mã số : 111121

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	260461	111106	HOÀNG THÁI TÚ	09/12/2010	Thanh Hoá	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.1	9.7	11	26	
2	120770	111107	NGUYỄN CẨM TÚ	21/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8	9	11	12	
3	560537	111108	NGUYỄN THANH TÚ	05/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	9.8	11	56	
4	560545	111109	ĐINH NHẬT VANG	13/02/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8	9.7	11	56	
5	620484	111110	NGUYỄN QUỐC VIỆT	26/10/2010	Nam Định	xã Nghĩa Lợi	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.1	7.6	9	11	62	
6	230367	111111	TRẦN XUÂN HOÀNG VIỆT	20/05/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	8.5	11	23	
7	170739	111112	LÊ MINH VŨ	12/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.8	6.1	8.8	11	17	
8	230368	111113	NGÔ NGUYỄN VŨ	27/11/2010	Nam Định	Tân Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.3	9.5	11	23	
9	170740	111114	TRẦN HUY VŨ	11/04/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8	9	11	17	
10	120806	111115	NGUYỄN PHƯƠNG VY	24/08/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.5	11	12	
11	170752	111116	NGUYỄN THỊ HÀ VY	14/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.8	11	17	
12	560571	111117	NGUYỄN TRƯỜNG VỸ	26/08/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.1	9.3	11	56	
13	560572	111118	PHẠM THỊ THANH XUÂN	03/10/2010	Nam Định	Xuân Ngọc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.8	8.8	11	56	
14	370471	111119	PHẠM HOÀNG YẾN	02/03/2010	Nam Định	Phượng Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.4	8.4	9.1	11	37	
15	210423	111120	PHẠM THỊ HẢI YẾN	02/07/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	9.1	11	21	
16	560583	111121	VŨ MAI HẢI YẾN	18/01/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.7	9.3	11	56	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ... SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ... SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ... SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ... SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 13 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tiếng Nga Chuyên

Mã số : 111294 đến Mã số : 111308

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170004	111294	HOÀNG DUY AN	03/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.2	8.8	11	17	
2	120023	111295	ĐÌNH HOÀNG ANH	08/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	9	11	12	
3	170077	111296	HOÀNG NGỌC NAM ANH	29/05/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	9.1	11	17	
4	120100	111297	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	12/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.3	9.5	11	12	
5	120164	111298	NGUYỄN NGỌC DIỆP	09/10/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.4	9.4	11	12	
6	120208	111299	TRẦN CÔNG ĐỊNH	07/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.6	9.5	11	12	
7	190172	111300	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	09/10/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9	11	19	
8	120273	111301	TRẦN ĐẮC HOÀNG HIỆP	30/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	9.7	11	12	
9	120280	111302	VŨ HUY HOÀNG	26/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.8	9.1	11	12	
10	190215	111303	LƯU ĐÌNH HUY	13/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.4	9.2	11	19	
11	190225	111304	TRẦN HỮU QUANG HUY	27/02/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	9	11	19	
12	170301	111305	BÙI TẤN HUNG	14/01/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.6	11	17	
13	170316	111306	NGUYỄN MAI HƯƠNG	09/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.7	11	17	
14	170318	111307	VŨ TRẦN THIÊN HƯƠNG	02/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.3	11	17	
15	120349	111308	VŨ BẢO NGỌC KHUÊ	03/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.4	9	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng :

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 14 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

MÔN CHUYÊN : Tiếng Nga Chuyên

Mã số : 111309 đến Mã số : 111322

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120394	111309	PHẠM THÙY LINH	25/06/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.2	9	11	12	
2	120433	111310	NGUYỄN ĐỨC LONG	17/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.3	9.2	11	12	
3	120500	111311	TRẦN HOÀNG NAM	12/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	9	11	12	
4	170501	111312	NGUYỄN MINH NGA	04/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.5	9.1	11	17	
5	180380	111313	NGÔ BÁ PHÚC	06/04/2009	Liên Bang Nga	Mỹ Hưng	N	Tốt	Khá	Đỗ			7.6	7.1	6.6	11	18	
6	120605	111314	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	12/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.3	8.8	11	12	
7	170588	111315	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	19/06/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.3	9.6	11	17	
8	140357	111316	VŨ ĐỨC QUANG	09/12/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	8.7	11	14	
9	140404	111317	TRẦN ANH THƯ	12/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9	11	14	
10	170662	111318	BÙI THỊ ANH THƯ	02/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.1	11	17	
11	190546	111319	NGUYỄN ĐÔNG THY	10/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	8.5	11	19	
12	140436	111320	TẠ THANH TRÚC	14/06/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.5	9.1	11	14	
13	120773	111321	TRẦN LƯƠNG ANH TÚ	22/02/2010	Hà Nam	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9	8.8	11	12	
14	120802	111322	DƯƠNG THẢO VY	18/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	N	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.3	9.6	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng :

- Số thí sinh dự thi môn Văn :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên :

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 15 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tiếng Pháp Chuyên

Mã số : 111323 đến Mã số : 111339

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120005	111323	LỤC HẢI AN	16/11/2010	Nam Định	Luong Thế Vinh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	8	11	12	
2	120012	111324	NGUYỄN THÁI HÒA AN	24/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	8.1	11	12	
3	120022	111325	ĐINH BẢO ANH	06/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9	11	12	
4	120024	111326	ĐINH KIỀU ANH	27/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.3	11	12	
5	150060	111327	PHAN THỊ QUỲNH ANH	09/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.9	7.2	11	15	
6	120098	111328	BỘ TRẦN THÙY ANH	06/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	8.1	11	12	
7	120108	111329	ĐỖ NGỌC ÁNH	28/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	8.8	11	12	
8	170131	111330	TRẦN KHÁNH CHI	30/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	7.1	11	17	
9	120165	111331	NGUYỄN NGỌC DIỆP	25/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	7	11	12	
10	120204	111332	TRẦN HẢI ĐĂNG	30/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.6	9	11	12	
11	120216	111333	TRẦN MINH ĐỨC	07/11/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.7	8.6	11	12	
12	170328	111334	ĐÔNG ĐỨC KHÁNH	02/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	7	11	17	
13	170349	111335	NGUYỄN TRƯỜNG KHOA	06/04/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	8.5	11	17	
14	120356	111336	TRẦN VŨ THIÊN KIM	04/04/2010	Bình Dương	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	7.8	11	12	
15	120387	111337	NGUYỄN HẢI LINH	27/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.1	11	12	
16	120406	111338	VŨ HƯƠNG LINH	27/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	8.8	11	12	
17	170415	111339	PHẠM VŨ KHÁNH LINH	03/03/2010	Gia Lai	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.5	7	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ lập lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tiếng Pháp Chuyên

Mã số : 111340 đến Mã số : 111356

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120417	111340	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	17/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.1	11	12	
2	200218	111341	TRẦN BẢO LONG	09/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.8	7	11	20	
3	120456	111342	BÙI TUẤN MINH	08/06/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.1	11	12	
4	120482	111343	NGUYỄN TRẦN NGỌC MINH	01/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	8.8	11	12	
5	120506	111344	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	29/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	9.5	11	12	
6	120532	111345	VŨ MINH NGỌC	02/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.8	8	11	12	
7	210278	111346	DƯƠNG TRẦN BẢO NGỌC	24/09/2010	Thanh Hóa	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.6	7.2	11	21	
8	120564	111347	TRẦN MAI NHÌ	07/08/2010	Ninh Bình	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	8.2	11	12	
9	170598	111348	NGUYỄN MINH QUẢN	27/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.6	9.3	11	17	
10	120662	111349	NGUYỄN DUY THÀNH	21/11/2010	Ninh Bình	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	7.3	11	12	
11	120679	111350	NGUYỄN AN PHƯƠNG THẢO	30/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.1	8.8	11	12	
12	120711	111351	DOÃN HOÀNG MINH THƯ	31/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.6	8.4	11	12	
13	170668	111352	VŨ MINH THƯƠNG	02/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.8	8.6	11	17	
14	140437	111353	LÝ VĨ TRƯỜNG	03/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.7	7	11	14	
15	120774	111354	TRẦN THỊ CẨM TÚ	21/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.9	8.2	11	12	
16	120781	111355	TRẦN THU UYÊN	15/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.2	7.5	11	12	
17	120783	111356	DƯƠNG HÀ PHƯƠNG UYÊN	04/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	P	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.2	8.7	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ lập lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 17 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tin Chuyên

Mã số : 111122 đến Mã số : 111138

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170008	111122	NGUYỄN ĐĂNG AN	27/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.1	11	17	
2	170009	111123	NGUYỄN HUY AN	27/07/2010	Thành phố Hà Nội	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.1	8.1	11	17	
3	370007	111124	VŨ ĐĂNG AN	08/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.6	8.8	11	37	
4	120037	111125	NGUYỄN DUY ANH	08/03/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.8	8.6	11	12	
5	240016	111126	NGUYỄN HẢI ANH	09/02/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.7	8.5	11	24	
6	120086	111127	BÙI VŨ HOÀNG ANH	16/12/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9	11	12	
7	500068	111128	NGUYỄN VIỆT BÁCH	28/07/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	8.7	11	50	
8	240062	111129	TRẦN GIA BẢO	14/05/2010	Hà Nam	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8	8.7	11	24	
9	260054	111130	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	20/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	7.9	11	26	
10	140072	111131	NGUYỄN NAM BÌNH	09/02/2010	Thành phố Hà Nội	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	8	11	14	
11	180066	111132	ĐẶNG LAN CHI	24/09/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.2	8.8	11	18	
12	120159	111133	BÙI VĂN ANH CHIẾN	10/05/2010	Nam Định	Lộc An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.4	9.2	11	12	
13	300084	111134	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	09/02/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	6.9	7.8	11	30	
14	170158	111135	TRẦN TRUNG DŨNG	14/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.4	9.8	11	17	
15	120181	111136	PHẠM ĐĂNG DƯƠNG	31/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.6	11	12	
16	120192	111137	NGUYỄN CÔNG ĐẠT	17/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.1	11	12	
17	500165	111138	PHÙNG TIẾN ĐẠT	01/05/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	8	11	50	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 18 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tin Chuyên

Mã số : 111139 đến Mã số : 111155

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170187	111139	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	29/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.5	11	17	
2	180139	111140	DOÃN VŨ MINH ĐỨC	11/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.8	8.6	11	18	
3	170209	111141	TRẦN DOÃN MINH ĐỨC	04/01/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.6	9.4	11	17	
4	500215	111142	ĐINH HUY HOÀNG	25/05/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.1	9.1	11	50	
5	300173	111143	LƯƠNG GIA HUY	16/06/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	8.2	11	30	
6	500225	111144	NGUYỄN GIA HUY	14/08/2010	Thành phố Hà Nội	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.1	8.8	11	50	
7	310187	111145	VŨ NGUYỄN GIA HUY	12/01/2010	Nam Định	Nam Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.2	9.9	11	31	
8	370174	111146	ĐINH KHÁNH HƯNG	14/04/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.8	8.8	11	37	
9	220152	111147	NGUYỄN ĐẮC GIA HƯNG	02/02/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.9	8.9	11	22	
10	120318	111148	PHẠM QUỲNH HƯƠNG	20/01/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	9	11	12	
11	170319	111149	BÙI VIỆT KHANG	15/12/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.5	7.8	11	17	
12	300201	111150	NGUYỄN ANH KHOA	07/07/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9	11	30	
13	300202	111151	PHẠM ĐĂNG KHOA	14/10/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7	8.6	11	30	
14	300204	111152	VŨ TIẾN KHOA	23/04/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.4	9.3	11	30	
15	400236	111153	BÙI MINH KHÔI	26/11/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.3	9.1	11	40	
16	370192	111154	NGUYỄN TRUNG KIẾN	23/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9.1	11	37	
17	370195	111155	VŨ TUẤN KIẾT	16/08/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	8.5	11	37	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ lập lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 19 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tin Chuyên

Mã số : 111156 đến Mã số : 111172

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	550305	111156	TRỊNH HOÀNG LÂM	13/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.3	8.7	11	55	
2	400260	111157	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	18/03/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.3	8	11	40	
3	300240	111158	HÀ KIM LONG	17/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.4	9.6	11	30	
4	240325	111159	VŨ DUY MẠNH	06/10/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8	6.7	11	24	
5	170453	111160	ĐẶNG TIẾN MINH	01/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			9.1	7.8	7.8	11	17	
6	300264	111161	LÊ ĐỨC MINH	18/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.5	8.6	11	30	
7	170459	111162	NGÔ ĐỨC MINH	30/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.7	11	17	
8	170461	111163	NGÔ THÀNH MINH	29/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.4	9.8	11	17	
9	170462	111164	NGUYỄN BÁ MINH	07/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.8	8.7	11	17	
10	170477	111165	VŨ QUANG MINH	15/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	9.8	11	17	
11	170483	111166	TRẦN LÊ NGỌC MINH	03/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.3	8.7	11	17	
12	170494	111167	NGUYỄN KHÁNH NAM	16/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.3	9.3	11	17	
13	170496	111168	NGUYỄN TÁT NAM	10/02/2010	Nam Định	Tổng Văn Trân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.7	9	11	17	
14	550435	111169	TRỊNH LONG NHẬT	02/07/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.2	7.4	11	55	
15	230258	111170	BÙI VŨ PHONG	26/10/2010	Nam Định	xã Hiền Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	8.2	11	23	
16	370324	111171	DƯƠNG HOÀNG PHÚC	28/10/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	8.7	11	37	
17	300318	111172	VŨ HỒNG PHÚC	29/07/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.4	9.1	11	30	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ lập lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 20 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Tin Chuyên

Mã số : 111173 đến Mã số : 111189

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	310369	111173	VŨ HUY QUANG	22/09/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.2	8.5	11	31	
2	120628	111174	NGUYỄN ANH QUÂN	28/12/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.5	9.4	11	12	
3	220310	111175	TRẦN THÁI SƠN	24/03/2010	Nam Định	Đại Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.6	8.9	11	22	
4	170622	111176	PHẠM VĂN THANH	21/08/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.2	7.8	11	17	
5	240463	111177	CÙ TRUNG THÁI	01/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.1	7.8	11	24	
6	170644	111178	ĐẶNG ĐỨC THỊNH	21/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9	9.5	11	17	
7	120689	111179	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	01/01/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.4	9.4	11	12	
8	400448	111180	NGUYỄN ĐIỆU THÚY	02/10/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.3	8.3	11	40	
9	120717	111181	NGUYỄN MINH TIẾN	26/01/2010	Nam Định	Tổng Văn Trân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	9.6	11	12	
10	370402	111182	NGUYỄN XUÂN TIẾN	13/03/2010	Nam Định	Liêm Hải	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.9	8.9	11	37	
11	120724	111183	ĐỖ THU TRANG	15/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.2	9.1	11	12	
12	170692	111184	NGUYỄN THÁI HOÀNG TRỌNG	06/09/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	9.2	11	17	
13	240544	111185	LƯƠNG MẠNH TRUNG	27/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.8	8.1	11	24	
14	400507	111186	VŨ TUẤN TRƯỜNG	17/02/2010	Thành phố Hà Nội	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	9	11	40	
15	120766	111187	NGÔ QUANG TUẤN	29/11/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	9	11	12	
16	170719	111188	VŨ XUÂN TÙNG	23/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.8	11	17	
17	570418	111189	PHẠM TRẦN THANH TÙNG	26/07/2010	Thái Bình	Xuân Thành	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.8	6.8	8	11	57	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 21 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 110368 đến Mã số : 110391

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Hóa Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120004	110368	LÊ TUƠNG AN	09/04/2010	Thanh Hóa	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.5	8.1	11	12	
2	200005	110369	TRẦN VĂN AN	08/10/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.2	8.1	11	20	
3	170021	110370	BÙI PHƯƠNG ANH	20/03/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	8.5	11	17	
4	200008	110371	DƯƠNG MAI ANH	01/09/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.4	8.7	11	20	
5	170024	110372	ĐÀO MINH ANH	26/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	9.4	11	17	
6	180008	110373	ĐẶNG MAI ANH	26/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.1	11	18	
7	170032	110374	LIU PHƯƠNG ANH	22/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.8	11	17	
8	600015	110375	NGÔ NHẬT ANH	23/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.1	9	11	60	
9	200011	110376	NGUYỄN NHẬT ANH	27/07/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.7	8.2	11	20	
10	360014	110377	TRẦN HOÀNG ANH	11/08/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.2	11	36	
11	560051	110378	VŨ MINH ANH	24/02/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.2	8.8	11	56	
12	170075	110379	TRẦN NGUYỄN LÂM ANH	18/08/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.6	11	17	
13	310036	110380	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	07/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.8	9.2	11	31	
14	350061	110381	VŨ THỊ MINH ÁNH	23/03/2010	Nam Định	Thị trấn Cát Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.4	9.3	11	35	
15	120115	110382	PHÙNG GIA BÁCH	12/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.5	11	12	
16	600060	110383	MAI QUỐC BẢO	17/11/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.8	8.7	11	60	
17	120119	110384	NGÔ GIA BẢO	25/06/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.8	8	11	12	
18	120121	110385	NGUYỄN TRẦN GIA BẢO	27/11/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.5	8.5	11	12	
19	230036	110386	PHẠM TRIỆU GIA BẢO	24/06/2010	Nam Định	Hợp Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.3	9	11	23	
20	600070	110387	ĐINH VĂN BẰNG	26/03/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.2	8.8	11	60	
21	120144	110388	MAI KHÁNH CHI	15/02/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.9	9.1	11	12	
22	120151	110389	PHẠM KHÁNH CHI	24/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	8.9	11	12	
23	170127	110390	PHẠM KHÁNH CHI	22/08/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.4	9.3	11	17	
24	170129	110391	TỔNG KIM CHI	05/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.4	9.7	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 22 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Hóa Chuyên

Mã số : 110392 đến Mã số : 110415

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	600092	110392	NGUYỄN VŨ THẢO CHI	10/01/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.7	11	60	
2	120160	110393	ĐỖ KIỀU CHINH	09/07/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.6	7.8	11	12	
3	560138	110394	PHAN NGỌC DIỆU	21/10/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.9	9.5	11	56	
4	560148	110395	ĐỖ THỊ HUYỀN DỊU	01/06/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.2	11	56	
5	600107	110396	PHẠM TIẾN DU	04/07/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.5	11	60	
6	400118	110397	CHU KHÁNH DUY	05/09/2010	Nam Định	Hải Phương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.5	9.1	11	40	
7	600115	110398	PHẠM TIẾN DUY	12/02/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.2	11	60	
8	240116	110399	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	17/10/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	7.5	11	24	
9	500146	110400	BÙI MẠNH DŨNG	11/07/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.7	8.8	11	50	
10	380073	110401	ĐỒNG TIẾN DŨNG	08/05/2010	Nam Định	Trực Khang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9.1	11	38	
11	240123	110402	NGUYỄN TUẤN DŨNG	18/12/2010	Ninh Bình	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8	8.1	11	24	
12	170163	110403	NGÔ THÁI DƯƠNG	13/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.1	9.7	11	17	
13	240138	110404	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠI	05/04/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	8.3	11	24	
14	170170	110405	NINH TIẾN ĐẠI	18/08/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.2	11	17	
15	250111	110406	ĐỖ TIẾN ĐẠT	26/09/2010	Tỉnh Nam Định	Yên Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	8.1	11	25	
16	170191	110407	NGUYỄN TIẾN ĐOÀN	09/03/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.6	9	11	17	
17	600154	110408	NGUYỄN ANH ĐỨC	03/01/2010	Nam Định	Trực Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.9	8.3	11	60	
18	120214	110409	NGUYỄN MINH ĐỨC	12/02/2010	Thành phố Hà Nội	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.8	8.8	11	12	
19	230079	110410	NGUYỄN MINH ĐỨC	26/11/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.2	8.2	11	23	
20	240158	110411	TẠ MINH ĐỨC	07/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.5	8.2	11	24	
21	120237	110412	NGÔ KHÁNH HÀ	09/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	9.3	11	12	
22	120249	110413	TRẦN THỊ NGÂN HÀ	17/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.2	11	12	
23	240186	110414	CỦ MẠNH HẢI	17/06/2010	Ninh Bình	Yên Hồng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.2	11	24	
24	500196	110415	TRẦN VŨ GIA HÂN	12/08/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.7	9.5	11	50	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 23 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 110416 đến Mã số : 110439

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Hóa Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120268	110416	NGUYỄN MINH HIẾU	08/07/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9	11	12	
2	560202	110417	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	18/09/2010	Nam Định	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.3	9.1	11	56	
3	250181	110418	NGUYỄN HOÀNG KIM HUỆ	08/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.8	8.4	11	25	
4	170278	110419	NGÔ XUÂN HUY	12/08/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	8.6	11	17	
5	120286	110420	NGUYỄN ĐỨC HUY	08/12/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	9.1	11	12	
6	170292	110421	ĐINH NGUYỄN THANH HUYỀN	11/02/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	8.7	11	17	
7	170293	110422	ĐOÀN THỊ THANH HUYỀN	23/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.3	9.5	11	17	
8	500236	110423	ĐOÃN THẾ HÙNG	28/07/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.5	9.6	11	50	
9	120303	110424	ĐẶNG TUẤN HÙNG	17/04/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.6	8	11	12	
10	120307	110425	TRẦN LÝ HÙNG	30/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.6	9.1	11	12	
11	600232	110426	ĐẶNG TIẾN HÙNG	10/10/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.1	9.2	11	60	
12	170304	110427	NGUYỄN DUY HÙNG	25/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	8.9	11	17	
13	170307	110428	NGUYỄN TIẾN HUNG	23/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.3	11	17	
14	170309	110429	TRẦN DUY HUNG	05/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.5	11	17	
15	260200	110430	TRỊNH QUANG HUNG	08/01/2010	Nam Định	Yên Lương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.2	11	26	
16	240244	110431	NGUYỄN THU HƯƠNG	09/05/2010	Nam Định	Yên Lương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	8.7	11	24	
17	120327	110432	BÙI GIA KHÁNH	22/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.2	11	12	
18	170326	110433	ĐÀO MINH KHÁNH	09/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.7	11	17	
19	120331	110434	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	13/12/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.6	11	12	
20	170339	110435	TRẦN KHẮC NAM KHÁNH	19/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.4	11	17	
21	560240	110436	PHẠM GIA KHIÊM	26/09/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.7	8.9	11	56	
22	570178	110437	LÊ ĐĂNG KHOA	03/09/2010	Nam Định	Xuân Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.9	8.7	11	57	
23	550291	110438	NGUYỄN MINH KHÔI	13/05/2010	Thái Bình	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.1	7.9	11	55	
24	250223	110439	LÊ BẢO KIÊM	08/12/2010	Nam Định	Yên Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.5	9.4	11	25	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 24 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 110440 đến Mã số : 110463

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Hóa Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560255	110440	ĐỖ MINH TUẤN KIỆT	04/02/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	7.6	11	56	
2	240271	110441	NGÔ HOÀNG LÂM	10/11/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.1	7.4	11	24	
3	120361	110442	NGUY HOÀNG LÂM	16/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9	11	12	
4	120363	110443	TRẦN BẢO LÂM	10/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.5	11	12	
5	560271	110444	HOÀNG THỦY LINH	16/02/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	7.7	8	11	56	
6	180263	110445	LÊ QUỲNH LINH	14/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	8.6	11	18	
7	120385	110446	NGUYỄN HÀ LINH	10/01/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.9	9.5	11	12	
8	120401	110447	TRẦN PHƯƠNG LINH	27/07/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.3	9.9	11	12	
9	120407	110448	VŨ PHAN LINH	24/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.5	11	12	
10	370215	110449	NGUYỄN VŨ HÀ LINH	27/08/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9	9.1	11	37	
11	220184	110450	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	05/08/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	6.7	11	22	
12	370219	110451	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	18/01/2010	Thành phố Hà Nội	Việt Hùng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	8.9	9.6	11	37	
13	500285	110452	ĐẶNG THỊ THUY LINH	03/11/2010	Bắc Ninh	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.6	9.1	11	50	
14	170426	110453	VŨ THIÊN LONG	28/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			9.3	7.3	7.8	11	17	
15	370227	110454	VŨ NGỌC THÀNH LONG	13/05/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	9.2	11	37	
16	310254	110455	ĐOÀN THẾ LỰC	26/10/2010	Nam Định	Nghĩa An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8	8.9	11	31	
17	120439	110456	PHẠM NGỌC HƯƠNG LY	07/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.7	11	12	
18	120447	110457	VŨ NGỌC MAI	02/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.8	11	12	
19	260279	110458	TRẦN THỊ HƯƠNG MAI	13/08/2010	Nam Định	Yên Lương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.1	11	26	
20	170441	110459	HOÀNG ĐỨC MẠNH	26/07/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.6	11	17	
21	150368	110460	BÙI QUANG MINH	24/01/2010	Thành phố Hà Nội	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	9.5	11	15	
22	170456	110461	ĐỖ THU MINH	02/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.7	11	17	
23	120464	110462	NGÔ ĐỨC MINH	21/12/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	8.7	11	12	
24	400309	110463	NGUYỄN ĐỨC MINH	21/01/2010	Nam Định	Hải Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	8.8	11	40	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 25 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

Mã số : 110464 đến Mã số : 110487

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Hóa Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120479	110464	VŨ QUANG MINH	08/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.3	11	12	
2	120493	110465	TRẦN THỊ HOÀNG MY	08/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.4	11	12	
3	200269	110466	ĐỖ NGUYỄN KHÁNH NGÂN	21/11/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.2	7.3	11	20	
4	120522	110467	NGUYỄN BẢO NGỌC	07/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.5	11	12	
5	610249	110468	TRẦN BÌNH NGUYỄN	19/09/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	9.4	11	61	
6	120545	110469	NGUYỄN VŨ THẢO NGUYỄN	29/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.6	11	12	
7	120569	110470	ĐỖ NGỌC BẢO NHI	07/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8	9	11	12	
8	380323	110471	NGÔ TẤN PHÁT	03/06/2010	Nam Định	Trực Khang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9	11	38	
9	560404	110472	NGUYỄN PHÚ PHONG	12/10/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.4	11	56	
10	120590	110473	PHẠM GIA PHÚC	16/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.5	11	12	
11	360313	110474	PHẠM HỮU PHÚC	07/09/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.4	9.3	11	36	
12	120598	110475	NGUYỄN HẢ PHƯƠNG	22/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.4	11	12	
13	600422	110476	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	28/06/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	9.5	11	60	
14	370339	110477	ĐÀO NHẬT QUÂN	05/12/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	8.7	11	37	
15	360330	110478	NGUYỄN ANH QUÂN	16/01/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.6	8.3	11	36	
16	170599	110479	TRẦN HOÀNG QUÂN	25/11/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	8.3	11	17	
17	510378	110480	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	04/04/2010	Nam Định	TT Quất Lâm	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	8.6	11	51	
18	310383	110481	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	22/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.3	9.4	11	31	
19	560437	110482	NGUYỄN THÀNH TÁ	28/02/2010	Nam Định	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9	9.3	11	56	
20	180418	110483	TRẦN TUẤN TÀI	21/11/2010	Nam Định	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.1	8.6	11	18	
21	360353	110484	NGUYỄN CHÍ THÀNH	25/11/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.8	7.8	11	36	
22	200335	110485	BÙI PHƯƠNG THẢO	08/09/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.9	7.7	11	20	
23	240472	110486	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/02/2010	Nam Định	Yên Phong	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.2	11	24	
24	170646	110487	NGUYỄN PHÚC THỊNH	13/11/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.1	7.3	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 26 Địa điểm: THPT chuyên Lê Hồng Phong

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Hóa Chuyên

Mã số : 110488 đến Mã số : 110505

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	210361	110488	ĐÀO THỊ MINH THU	17/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	9.3	11	21	
2	210364	110489	NGUYỄN VŨ MINH THỦY	08/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.5	9.1	11	21	
3	180462	110490	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	25/04/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.2	11	18	
4	180466	110491	ĐẶNG NGÂN THƯƠNG	05/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9	11	18	
5	560506	110492	PHẠM HOÀNG TIẾN	21/09/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.6	8.8	11	56	
6	120720	110493	PHẠM NGỌC MINH TIẾN	17/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.6	8	11	12	
7	140429	110494	LÊ MINH TRIẾT	13/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8	8.5	11	14	
8	260457	110495	VŨ XUÂN TRƯỜNG	23/09/2010	Hà Nội	Yên Lương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	9.1	11	26	
9	120764	110496	HOÀNG ANH TUẤN	11/11/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	8.7	11	12	
10	210395	110497	PHẠM MINH TUẤN	16/03/2010	Nam Định	Hợp Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.2	8.6	11	21	
11	270305	110498	TRỊNH GIA UY	29/06/2010	Nam Định	Yên Trị	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	8.4	11	27	
12	120782	110499	CHU THỊ PHƯƠNG UYÊN	17/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	8.9	11	12	
13	120789	110500	PHẠM YẾN VÂN	02/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.4	9.2	11	12	
14	140461	110501	TRẦN TRỌNG VỖ	13/10/2010	Nam Định	XÃ TÂN THÀNH	A	Tốt	Khá	Đỗ			9	7.2	7.1	11	14	
15	120811	110502	PHẠM HẢ VY	10/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.9	9.1	11	12	
16	120812	110503	TRẦN PHƯƠNG VY	16/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	9	11	12	
17	120815	110504	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG VY	10/06/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	9.1	11	12	
18	260489	110505	PHẠM HẢI YẾN	02/10/2010	Nam Định	Yên Trị	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	8.8	11	26	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 27 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sinh Chuyên

Mã số : 111190 đến Mã số : 111213

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170013	111190	PHAN TRƯỜNG AN	21/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.5	11	17	
2	200006	111191	VŨ THỊ VI AN	24/06/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	7.2	11	20	
3	210020	111192	NGUYỄN MINH ANH	01/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.3	8.9	11	21	
4	120053	111193	PHẠM DIỆP ANH	15/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.4	9.4	11	12	
5	430019	111194	TRẦN MINH ANH	09/12/2010	Nam Định	TT Thịnh Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.3	9	11	43	
6	120097	111195	PHẠM NGỌC QUỲNH ANH	09/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.3	8.8	11	12	
7	430033	111196	VŨ XUÂN BÁCH	19/04/2010	Nam Định	TT Thịnh Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.1	9.2	11	43	
8	240056	111197	PHẠM GIA BẢO	13/09/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	8.7	11	24	
9	560090	111198	PHẠM AN BÌNH	18/09/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	9.1	11	56	
10	410051	111199	NGÔ BẢO CHÂU	08/12/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.8	8.1	11	41	
11	120137	111200	ĐẶNG THỊ MINH CHÂU	26/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9	9.6	11	12	
12	500091	111201	NGUYỄN DIỆP CHI	23/10/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	9.2	11	50	
13	250073	111202	NGUYỄN THỊ KIM CHI	01/03/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.4	8	11	25	
14	200063	111203	TRẦN TRUNG CHIẾN	16/06/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	8	11	20	
15	220050	111204	PHẠM ĐÌNH CỰ	27/05/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.9	7.7	11	22	
16	550117	111205	NGUYỄN TIẾN DUY	29/08/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.1	8.2	11	55	
17	240119	111206	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	05/09/2010	Ninh Bình	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.1	7.6	11	24	
18	260099	111207	TRẦN TIẾN DŨNG	06/01/2010	Nam Định	Yên Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.1	8.5	11	26	
19	240127	111208	TRẦN ANH MINH DŨNG	12/05/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.5	8.3	11	24	
20	210104	111209	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	12/11/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	8.3	11	21	
21	510135	111210	NGUYỄN PHƯỚC HAI ĐĂNG	14/01/2010	Thành phố Hà Nội	TT Quất Lâm	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.4	7.4	11	51	
22	550158	111211	ĐẶNG MINH ĐỨC	31/10/2010	Nam Định	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.2	8.5	11	55	
23	120217	111212	VŨ ANH ĐỨC	12/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.7	9	11	12	
24	180146	111213	TRẦN HƯƠNG GIANG	11/06/2010	Thái Bình	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.5	7.9	11	18	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 28 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 111214 đến Mã số : 111237

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sinh Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120235	111214	LƯƠNG NGỌC HÀ	13/03/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	9.2	11	12	
2	400174	111215	NGUYỄN THỊ HẢI	30/04/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.6	8.2	11	40	
3	500194	111216	TRẦN TRUNG HẢI	26/03/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.4	9.1	11	50	
4	260151	111217	MAI THU HẰNG	05/02/2010	Nam Định	Yên Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.3	11	26	
5	170245	111218	TRẦN THỊ MINH HẰNG	17/09/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	8.5	11	17	
6	370149	111219	PHẠM VŨ MINH HIẾU	15/10/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.6	8.5	11	37	
7	210174	111220	PHÙNG QUANG HUY	26/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	8.1	11	21	
8	550243	111221	VI QUANG HUY	23/05/2010	Lạng Sơn	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.7	7.8	11	55	
9	170287	111222	VŨ QUANG HUY	15/03/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	8.7	11	17	
10	270115	111223	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	02/09/2010	Nam Định	Yên Trị	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.2	7.7	11	27	
11	240248	111224	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	26/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.1	9.2	11	24	
12	170336	111225	TRẦN ĐĂNG KHÁNH	12/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.5	8.5	11	17	
13	120335	111226	NGUYỄN THỊ BẢO KHÁNH	07/06/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.2	7.7	11	12	
14	550284	111227	ĐẶNG ANH KHOA	12/10/2010	Thành phố Hà Nội	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.7	7.6	11	55	
15	170354	111228	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	10/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	8.9	11	17	
16	120367	111229	TRẦN MINH LẬP	21/12/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.6	8.5	11	12	
17	170375	111230	BÙI HÀ LINH	01/12/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.1	8.2	11	17	
18	120371	111231	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	29/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.6	9.4	11	12	
19	120374	111232	ĐỖ PHƯƠNG LINH	04/04/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.8	8.4	11	12	
20	550317	111233	NGUYỄN BẢO LINH	21/12/2010	Nam Định	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.7	8.7	11	55	
21	120389	111234	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	21/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.4	9.3	11	12	
22	310232	111235	PHẠM NGỌC LINH	17/03/2010	Nam Định	Nam Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.6	8.9	11	31	
23	120409	111236	VŨ THÙY LINH	03/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.5	9	11	12	
24	170418	111237	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LINH	03/01/2010	Nam Định	Mỹ Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8	8.7	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 29 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 111238 đến Mã số : 111261

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sinh Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560289	111238	PHẠM TRẦN PHƯƠNG LINH	06/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.3	9.1	11	56	
2	170435	111239	TRẦN NGỌC MAI	01/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.3	8.6	11	17	
3	120449	111240	VŨ PHƯƠNG MAI	03/03/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	9	11	12	
4	120452	111241	ĐOÀN HUY MẠNH	13/03/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.3	8.8	11	12	
5	200237	111242	NGÔ ĐỨC MẠNH	03/07/2010	Đồng Nai	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.2	8.8	11	20	
6	300263	111243	ĐỖ CÔNG MINH	14/07/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.9	8.9	11	30	
7	170473	111244	TRẦN QUANG MINH	06/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	8.7	11	17	
8	170476	111245	VŨ NGỌC MINH	29/10/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9	11	17	
9	170478	111246	NGUYỄN MẠNH BẢO MINH	18/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	8.2	11	17	
10	170482	111247	QUẦN THỊ HIỀN MINH	19/02/2010	Thành phố Hà Nội	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.8	8.5	11	17	
11	120486	111248	NGUYỄN TRÀ MY	14/05/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.9	8.8	11	12	
12	600333	111249	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG MY	14/03/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	9.1	11	60	
13	600335	111250	ĐỖ NGỌC TRÀ MY	14/01/2010	Nam Định	Trực Nội	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9	11	60	
14	550401	111251	TRỊNH KIM NGÂN	24/06/2010	Thái Nguyên	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.4	8	11	55	
15	120527	111252	PHẠM THẢO NGỌC	17/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.5	7.9	11	12	
16	180343	111253	TRẦN THANH NHÀN	03/06/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	8.9	11	18	
17	230246	111254	TRẦN THIỆN NHÂN	10/03/2010	Nam Định	xã Minh Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.1	8	11	23	
18	370304	111255	PHẠM YẾN NHI	17/11/2010	Nam Định	Phượng Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.7	11	37	
19	120563	111256	TRẦN LAN NHI	14/06/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.4	9.8	11	12	
20	500394	111257	NGUYỄN THỊ NGỌC OANH	10/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.3	11	50	
21	210307	111258	TRẦN PHÁT	17/02/2010	Ninh Bình	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	7.8	8.5	11	21	
22	120589	111259	ĐẶNG VĂN PHÚC	04/09/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8	8.2	11	12	
23	370329	111260	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	26/04/2010	Nam Định	Phượng Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.4	8.1	11	37	
24	120603	111261	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	19/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	9.1	8	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 30 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sinh Chuyên

Mã số : 111262 đến Mã số : 111277

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120608	111262	TRẦN QUỲNH PHƯƠNG	22/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.4	9.2	11	12	
2	170583	111263	VŨ BẢO PHƯƠNG	04/12/2010	Nam Định	THCS Gia Thụy - Hà	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.2	8.2	11	17	
3	120615	111264	TRẦN LƯU VIỆT PHƯƠNG	02/01/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	9	11	12	
4	550481	111265	ĐẶNG ANH QUẢN	18/10/2010	Thành phố Hồ Chí	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.8	8	11	55	
5	120647	111266	NGUYỄN ĐỨC SƠN	01/10/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.9	9.1	11	12	
6	120660	111267	NGUYỄN VIỆT THÁI	23/09/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.3	9	11	12	
7	190497	111268	TRẦN VĂN THÁI	25/03/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	8.2	11	19	
8	170629	111269	NGUYỄN TRUNG THÀNH	08/08/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.2	8.8	11	17	
9	310408	111270	TRẦN DIỆU THẢO	22/05/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.7	8.8	11	31	
10	200342	111271	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	27/11/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	9.2	11	20	
11	350474	111272	ĐỖ THỊ THANH THẢO	12/01/2010	Thành phố Hồ Chí	Trực Nội	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	7	11	35	
12	300363	111273	LÊ ĐỨC THỊNH	03/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.4	8.2	11	30	
13	310421	111274	PHẠM HOÀI THU	19/07/2010	Nam Định	Nam Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.9	9.1	11	31	
14	230320	111275	TRẦN THỊ MAI THỦY	15/06/2010	Nam Định	xã Minh Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	6.8	8.4	11	23	
15	120704	111276	NGUYỄN KHÁNH THƯ	16/10/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.8	9.2	11	12	
16	120706	111277	PHẠM AN THƯ	06/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.4	9.2	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 31 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sinh Chuyên

Mã số : 111278 đến Mã số : 111293

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	360407	111278	LÊ THỊ TRANG	08/02/2010	Nam Định	TT Thịnh Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.4	8.1	11	36	
2	120735	111279	TRẦN THỦY TRANG	20/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8	7.3	11	12	
3	550595	111280	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	04/09/2010	Nam Định	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.6	9.1	11	55	
4	120751	111281	VŨ THỊ NGỌC TRÂM	05/08/2010	Nam Định	Nam Toàn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	8.5	11	12	
5	560520	111282	NGÔ KIỀU TRINH	17/07/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.1	8	11	56	
6	120756	111283	ĐỖ THỊ PHƯƠNG TRINH	21/10/2010	Thành phố Hải Phòng	Tổng Văn Trân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	9.2	11	12	
7	370427	111284	ĐẶNG HỮU TRÍ	20/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.4	8	11	37	
8	120758	111285	VŨ MINH TRÍ	06/05/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.1	11	12	
9	120759	111286	VŨ XUÂN TRÍ	02/01/2010	Nam Định	Nam Phong	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.4	11	12	
10	200389	111287	NGUYỄN QUỐC TRUNG	24/01/2010	Nam Định	Vĩnh Hào	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	8.3	11	20	
11	170696	111288	NGUYỄN THANH TRÚC	05/06/2010	Thành phố Hải Phòng	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.7	7	11	17	
12	120772	111289	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	03/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	9	9	11	12	
13	170720	111290	TRẦN VŨ HUY TÙNG	26/02/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9	11	17	
14	210405	111291	LÊ TỎ UYÊN	26/09/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.3	7.9	11	21	
15	550639	111292	VŨ TỎ UYÊN	05/01/2010	Nam Định	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.7	9.2	11	55	
16	430377	111293	PHẠM QUỐC VƯỢNG	09/11/2010	Nam Định	TT Thịnh Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.4	11	43	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 32 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110243 đến Mã số : 110266

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Lý Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560001	110243	KHÔNG THANH AN	01/03/2010	Thái Bình	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	7.8	8.4	11	56	
2	170006	110244	LƯƠNG THẾ AN	10/06/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.1	9	11	17	
3	170007	110245	NGUYỄN DUY AN	21/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	8.6	11	17	
4	120007	110246	NGUYỄN HẢI AN	27/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.6	11	12	
5	180007	110247	ĐẶNG HOÀNG ANH	26/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9	11	18	
6	170026	110248	ĐẶNG TRẦN ANH	19/03/2010	Thành phố Hà Nội	Mỹ Hưng	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.4	7.7	7.4	11	17	
7	310011	110249	MAI THẾ ANH	24/07/2010	Nam Định	Nam Cường	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.4	6.9	7.8	11	31	
8	170042	110250	NGUYỄN QUANG ANH	21/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.2	8.6	11	17	
9	170046	110251	PHẠM ĐỨC ANH	17/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	7.9	11	17	
10	170058	110252	TRẦN PHƯƠNG ANH	12/11/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	8.3	11	17	
11	600029	110253	TRƯƠNG ĐỨC ANH	29/09/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	9	11	60	
12	170081	110254	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG ANH	29/05/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.3	9.1	11	17	
13	400046	110255	LÊ HOÀNG PHƯƠNG ANH	17/01/2010	Thành phố Hà Nội	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	8.9	11	40	
14	120106	110256	NGUYỄN VƯƠNG VIỆT ANH	18/01/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.3	9.1	11	12	
15	120118	110257	NGÔ GIA BẢO	23/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.1	9.1	11	12	
16	600065	110258	PHẠM GIA BẢO	30/11/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.6	9	11	60	
17	600075	110259	TỔNG TRÍ BÌNH	05/08/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	9.6	11	60	
18	260066	110260	NGÔ MINH CHÂU	16/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.5	8	11	26	
19	170123	110261	ĐẶNG QUỲNH CHI	06/09/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.2	9.2	11	17	
20	600090	110262	VŨ TÔNG BẢO CHI	17/01/2010	Nam Định	Trực Mỹ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.8	9.8	11	60	
21	170136	110263	NGUYỄN THỊ MINH CHI	12/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	7.4	8.8	11	17	
22	230049	110264	PHẠM PHƯƠNG CHINH	03/05/2010	Nam Định	xã Minh Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.6	9.6	11	23	
23	140095	110265	VŨ MẠNH CƯỜNG	16/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	7.9	8	11	14	
24	200077	110266	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	29/08/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	8.7	11	20	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng :

- Số thí sinh dự thi môn Văn :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ :

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên :

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 33 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110267 đến Mã số : 110290

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Lý Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	500142	110267	DOÃN THỊ DUYÊN	30/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8	8	11	50	
2	120176	110268	DƯƠNG CÔNG DŨNG	20/12/2010	Thành phố Hà Nội	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.5	8.7	11	12	
3	360099	110269	LÂM TIẾN DŨNG	17/10/2010	Nam Định	Trực Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.6	8.1	11	36	
4	200091	110270	NINH QUANG DŨNG	27/11/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.2	8.6	11	20	
5	210111	110271	NGUYỄN NHƯ QUANG ĐÀI	23/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.2	8.4	11	21	
6	400140	110272	ĐỖ TIẾN ĐẠT	29/04/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.3	9.4	11	40	
7	400141	110273	ĐỖ TIẾN ĐẠT	12/12/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.3	8.4	11	40	
8	120195	110274	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	03/11/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	8.5	11	12	
9	120207	110275	TRIỆU PHÚC HẢI ĐĂNG	09/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.1	9.2	11	12	
10	170196	110276	ĐỖ TRUNG ĐỨC	25/09/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	9.1	11	17	
11	360126	110277	NGUYỄN VĂN GIANG	10/04/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	6.6	8.3	11	36	
12	170215	110278	NGUYỄN TRẦN CHÂU GIANG	17/06/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	8.8	11	17	
13	240169	110279	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	26/11/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	8	11	24	
14	400164	110280	NGUYỄN NGỌC HÀ	24/02/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	8	11	40	
15	600173	110281	PHẠM ĐỨC HẠNH	27/06/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	9	11	60	
16	310152	110282	NGUYỄN TIẾN HẢI	01/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	8.6	11	31	
17	120255	110283	TRẦN NAM HẢI	27/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.6	11	12	
18	210141	110284	ĐÀO VŨ SƠN HẢI	14/10/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.2	9.1	11	21	
19	170233	110285	LÊ GIA HÂN	14/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	9.1	11	17	
20	170254	110286	TRẦN NGỌC HIẾU	18/10/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.8	8.1	11	17	
21	210156	110287	LÊ THU HIỀN	25/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.3	8.2	11	21	
22	170261	110288	ĐỖ MINH HIỀN	04/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.7	9.1	11	17	
23	400200	110289	NGUYỄN HUY HOÀNG	06/03/2010	Nam Định	Trực Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.7	8.8	11	40	
24	120278	110290	TRẦN SỸ HOÀNG	09/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.3	9.3	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 34 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110291 đến Mã số : 110314

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Lý Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170270	110291	TRẦN TUẤN HOÀNG	27/08/2010	Thái Bình	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	8.9	11	17	
2	330155	110292	LÂM GIA HUY	04/06/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.7	8.4	11	33	
3	120293	110293	TRẦN GIA HUY	26/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.3	11	12	
4	170291	110294	VŨ KHÁNH HUYỀN	04/01/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.4	9.1	11	17	
5	220142	110295	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	21/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.3	8.8	11	22	
6	560216	110296	PHẠM VIỆT HÙNG	02/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7	8.2	11	56	
7	240240	110297	BÙI HOÀNG HÙNG	31/07/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	7.9	8.5	11	24	
8	310197	110298	ĐOÀN GIA HUNG	04/06/2010	Nam Định	TT Nam Giang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	9	11	31	
9	170308	110299	PHẠM VIỆT HÙNG	07/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.8	7.6	7.5	11	17	
10	170332	110300	NGUYỄN TRƯỜNG KHÁNH	10/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8	8.1	11	17	
11	180241	110301	TRẦN NGỌC KHOA	31/10/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	7.6	11	18	
12	170352	110302	LÊ VIỆT ĐĂNG KHOA	28/08/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.5	9.5	11	17	
13	120345	110303	ĐÀO NGUYỄN KHÔI	28/08/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8	8.5	11	12	
14	170357	110304	TRẦN HỮU GIA KHÔI	16/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.3	8.2	11	17	
15	600257	110305	TRƯƠNG QUỐC KỶ	04/02/2010	Nam Định	Trực Nội	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	9	11	60	
16	170368	110306	NGUYỄN MINH LÂM	30/01/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	8.7	11	17	
17	120362	110307	TRẦN BẢO LÂM	13/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.3	11	12	
18	560265	110308	MAI THỊ NGỌC LIÊN	30/10/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	7.8	11	56	
19	180265	110309	NGUYỄN HOÀNG LINH	31/03/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	8.9	11	18	
20	200202	110310	PHẠM THỦY LINH	30/09/2010	Nam Định	Nguyễn Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	9.2	11	20	
21	500288	110311	PHẠM XUÂN LĨNH	20/06/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	9.4	11	50	
22	200215	110312	BÙI GIA LONG	16/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.2	7.8	11	20	
23	140255	110313	NGUYỄN THĂNG LONG	09/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	9.1	11	14	
24	310250	110314	VŨ HỮU THÀNH LONG	10/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.1	8.1	11	31	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 35 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110315 đến Mã số : 110338

HD thi **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG**

MÔN CHUYÊN : Lý Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	180290	110315	TRẦN KHÁNH LY	01/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	9.1	11	18	
2	170433	110316	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	12/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.1	8.8	11	17	
3	170455	110317	ĐỖ GIA MINH	04/02/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9	9.3	11	17	
4	120480	110318	VŨ TIẾN MINH	10/03/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	8.9	11	12	
5	300267	110319	TRẦN THỊ DIỆU MY	21/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.3	9.5	11	30	
6	120494	110320	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	26/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.2	11	12	
7	170492	110321	LÃ MINH NAM	19/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.4	8.5	11	17	
8	240345	110322	NGUYỄN XUÂN NAM	26/03/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.7	8	11	24	
9	120504	110323	NGUYỄN XUÂN BẢO NAM	29/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.3	9.6	11	12	
10	210269	110324	PHÙNG HỮU BẢO NAM	30/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.5	7.5	11	21	
11	120516	110325	BÙI KHÁNH NGỌC	07/05/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.7	9.2	11	12	
12	560350	110326	TRẦN TẤN NGỌC	02/01/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	8.8	11	56	
13	140314	110327	LÃ HOÀNG NGUYỄN	12/10/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.2	8	6.5	11	14	
14	500374	110328	PHAN THIÊN NHÂN	14/05/2010	Nam Định	Giao Thuý	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.8	8.7	11	50	
15	240373	110329	NGUYỄN MINH NHẬT	07/11/2010	Ninh Bình	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	8.5	11	24	
16	120551	110330	NGUYỄN VIỆT NHẬT	09/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.1	9.1	11	12	
17	180358	110331	TRẦN NGỌC HIỀN NHI	15/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	8.4	11	18	
18	300307	110332	ĐỖ ĐÌNH PHÁT	23/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.9	6.8	11	30	
19	120583	110333	ĐỖ TUẤN PHÁT	15/09/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8	6.8	11	12	
20	180372	110334	ĐẶNG NHẬT PHI	11/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.8	8.6	11	18	
21	210310	110335	BÙI HUY PHONG	27/10/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.9	6.9	11	21	
22	170567	110336	NGUYỄN MINH PHÚ	15/10/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.2	8.8	11	17	
23	500410	110337	NGUYỄN VĂN PHÚC	24/10/2010	Nam Định	Giao Thuý	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.8	8.1	11	50	
24	200303	110338	HOÀNG MINH PHƯƠNG	22/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.1	8.5	11	20	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 36 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110339 đến Mã số : 110353

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Lý Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	210316	110339	NGUYỄN THU PHƯƠNG	17/06/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	8.5	11	21	
2	120618	110340	LÊ HỒNG QUANG	25/10/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	8	11	12	
3	120625	110341	TRẦN PHÙNG DUY QUANG	13/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.3	8.2	11	12	
4	220290	110342	ĐỖ HỒNG QUẢN	16/05/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	8.4	11	22	
5	120630	110343	NGUYỄN MINH QUẢN	28/12/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.6	9.2	11	12	
6	120643	110344	VŨ THẾ SANG	18/07/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.9	8	11	12	
7	360343	110345	PHẠM VĂN SÁNG	10/04/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.5	8.1	11	36	
8	120649	110346	ĐÀO XUÂN SỰ	26/06/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.1	8.9	11	12	
9	170620	110347	NGÔ NGỌC THANH	08/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	7.8	8.5	11	17	
10	250390	110348	PHẠM PHƯƠNG THANH	10/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.7	7.5	11	25	
11	510404	110349	LƯU CÔNG THÀNH	06/03/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.2	11	51	
12	170630	110350	TRẦN HUY THÀNH	19/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	9.2	11	17	
13	300358	110351	PHẠM VŨ PHƯƠNG THẢO	19/11/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.5	9.7	11	30	
14	120685	110352	PHẠM VIỆT MINH THIỆN	05/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	8.6	11	12	
15	200365	110353	BÙI THỊ THƯƠNG	22/02/2010	Nam Định	Nguyễn Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.1	11	20	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 37 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

MÔN CHUYÊN : Lý Chuyên

Mã số : 110354 đến Mã số : 110367

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560504	110354	ĐOÀN VIỆT TIẾN	10/06/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	8.3	11	56	
2	120719	110355	TRẦN MINH TIẾN	07/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	8.7	11	12	
3	180475	110356	NGUYỄN QUỐC TOÀN	29/07/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	8.5	11	18	
4	310461	110357	NGUYỄN MINH TRÍ	15/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7	7.8	11	31	
5	120761	110358	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	05/08/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	8.3	11	12	
6	170700	110359	HOÀNG ANH TUẤN	22/05/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.7	8.3	11	17	
7	300426	110360	NGÔ QUỐC TUẤN	28/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	7.9	8.7	11	30	
8	500546	110361	LÊ ANH TÚ	02/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.8	9	11	50	
9	120775	110362	MAI DUY TÙNG	13/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.2	11	12	
10	170716	110363	PHAN THANH TÙNG	05/10/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.9	9.3	11	17	
11	170736	110364	PHẠM ĐĂNG VINH	03/10/2010	Nam Định	Tổng Văn Trần	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	7.7	9.3	11	17	
12	360461	110365	TRẦN LONG VŨ	20/05/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.7	8.1	11	36	
13	170741	110366	HÀ ĐÌNH NGUYỄN VŨ	25/06/2010	Thanh Hóa	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.3	8.8	11	17	
14	400547	110367	LƯƠNG TRIỀU VỸ	24/01/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8	7.1	11	40	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 38 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110001 đến Mã số : 110024

HD thi **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG**

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	550001	110001	ĐẶNG ĐỨC AN	04/04/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.1	9.6	11	55	
2	210002	110002	NGUYỄN GIA AN	16/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.4	8.8	11	21	
3	560004	110003	NGUYỄN THÀNH AN	01/08/2010	Nam Định	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.2	9.3	11	56	
4	560006	110004	TRẦN BÌNH AN	17/06/2010	Thành phố Hà Nội	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9	8	11	56	
5	560009	110005	NGÔ PHẠM GIA AN	06/05/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.3	8.4	11	56	
6	370008	110006	NGUYỄN THỊ KHÁNH AN	01/11/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	8.8	11	37	
7	550011	110007	ĐỖ VIỆT ANH	22/05/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.1	11	55	
8	500013	110008	HOÀNG TUẤN ANH	30/06/2010	Nam Định	Giao Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	8	11	50	
9	560023	110009	LƯU NGỌC ANH	04/09/2010	Nam Định	thị trấn Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.5	9.7	11	56	
10	370015	110010	NGUYỄN HÀ ANH	21/07/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	8.9	11	37	
11	510026	110011	PHẠM NGỌC ANH	29/12/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.2	9.5	11	51	
12	500031	110012	PHÙNG QUỐC ANH	25/05/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8	8.7	11	50	
13	120061	110013	TÔ NHẬT ANH	15/03/2010	Nam Định	Mỹ Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	8.4	11	12	
14	170049	110014	TRẦN ĐỨC ANH	31/07/2010	Thái Bình	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.7	9.1	11	17	
15	560045	110015	TRẦN NGỌC ANH	23/08/2010	Bắc Giang	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.3	11	56	
16	560046	110016	TRẦN PHƯƠNG ANH	01/08/2010	Thành phố Hà Nội	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.2	8.8	11	56	
17	140031	110017	TRẦN QUANG ANH	21/01/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.3	6.2	7.8	11	14	
18	200034	110018	NGUYỄN NGỌC ÁNH	12/04/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.3	8.7	11	20	
19	300048	110019	NGUYỄN THỊ MỸ ÁNH	21/03/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.6	9.4	11	30	
20	120113	110020	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	24/09/2010	Nam Định	Yên Mỹ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	7.4	11	12	
21	560076	110021	NGUYỄN ĐỨC BAN	17/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	7.9	8.6	11	56	
22	140065	110022	NGUYỄN GIA BẢO	16/12/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.2	8.9	11	14	
23	500071	110023	NGUYỄN NGUYỄN BẢO	23/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.1	9.6	11	50	
24	560083	110024	NGUYỄN VĂN BẢO	12/04/2010	Nam Định	Xuân Ngọc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.1	8.9	11	56	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 39 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110025 đến Mã số : 110048

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	240060	110025	PHẠM THẾ BẢO	14/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	8.7	9	11	24	
2	120120	110026	TRẦN GIA BẢO	30/01/2010	Thanh Hóa	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.2	11	12	
3	170105	110027	VŨ ĐỨC BẢO	02/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.8	11	17	
4	570059	110028	NGUYỄN NGỌC BÍCH	17/02/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.4	8.4	11	57	
5	310064	110029	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	23/06/2010	Nam Định	TT Nam Giang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	8.6	11	31	
6	300070	110030	ĐÀO THỦY CHÂM	06/04/2010	Thành phố Hà Nội	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	9.2	11	30	
7	600080	110031	NGUYỄN HỮU CHÂN	28/08/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.5	9.2	11	60	
8	170116	110032	TRẦN BÙI HOÀNG CHÂU	09/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	7.5	7.1	11	17	
9	300081	110033	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	04/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.8	8.7	11	30	
10	560117	110034	TRẦN HỒNG CHUYÊN	08/05/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	8.5	11	56	
11	310076	110035	PHAN XUÂN CƯƠNG	12/04/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.2	8.3	11	31	
12	560119	110036	NGÔ QUỐC CƯỜNG	07/02/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	6.8	6.9	11	56	
13	510084	110037	LƯU CÔNG DANH	30/08/2010	Nam Định	Giao Yến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.3	9.1	11	51	
14	400098	110038	NGUYỄN VŨ CÔNG DANH	15/08/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	7.3	9	11	40	
15	550093	110039	VŨ ĐỨC DÂN	18/07/2010	Nam Định	Xuân Thượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	6.9	8.1	11	55	
16	310086	110040	TRẦN VĂN ĐIỆN	07/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.1	9.1	11	31	
17	310087	110041	LÊ NGỌC DIỆP	02/10/2010	Nam Định	Nam Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	8.4	11	31	
18	120163	110042	NGUYỄN NGỌC DIỆP	23/04/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.3	9.4	11	12	
19	550109	110043	TRẦN HUY DU	13/07/2010	Thái Bình	Xuân Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	7.4	8.3	11	55	
20	210091	110044	BÙI ĐĂNG DŨNG	29/11/2010	Nam Định	Yên Mỹ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	8.3	11	21	
21	600122	110045	HOÀNG MINH DŨNG	17/01/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.7	8.7	11	60	
22	170151	110046	NGUYỄN ANH DŨNG	01/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.6	9.2	11	17	
23	170152	110047	NGUYỄN CHÍ DŨNG	01/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.3	9.8	11	17	
24	120178	110048	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	17/06/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	8.8	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 40 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110049 đến Mã số : 110072

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	210093	110049	TRẦN QUANG DŨNG	30/10/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.6	9.6	11	21	
2	120180	110050	TRẦN NGUYỄN QUANG DŨNG	19/11/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.1	9.9	11	12	
3	560161	110051	ĐOÀN ĐỨC DƯƠNG	05/03/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	9.5	11	56	
4	220069	110052	NGUYỄN TÀI DƯƠNG	09/04/2010	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9.3	11	22	
5	300106	110053	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	05/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.4	9.6	11	30	
6	180116	110054	PHẠM ĐĂNG DƯƠNG	16/09/2010	Nam Định	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	9.5	9.6	11	18	
7	500161	110055	ĐINH DUY ĐẠT	24/06/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.1	8.1	11	50	
8	500162	110056	HOÀNG VŨ ĐẠT	16/07/2010	Nam Định	Giao Châu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.8	8.8	11	50	
9	120193	110057	NGUYỄN QUANG ĐẠT	08/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	9.3	11	12	
10	170179	110058	PHẠM HỮU ĐẠT	08/08/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.6	8.6	11	17	
11	600146	110059	TRẦN TIẾN ĐẠT	11/06/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8	9.1	11	60	
12	310126	110060	VŨ QUỐC ĐẠT	18/01/2010	Thành phố Hà Nội	Nam Cường	A	Tốt	Khá	Đỗ			9.4	7.1	7.7	11	31	
13	180127	110061	PHẠM NGUYỄN THÀNH ĐẠT	22/07/2010	Nam Định	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	9	8.1	11	18	
14	600149	110062	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	08/01/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.7	9.6	11	60	
15	120203	110063	TRẦN HẢI ĐĂNG	13/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	9	9.9	11	12	
16	560168	110064	TRẦN HẢI ĐĂNG	20/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.4	9.3	11	56	
17	510136	110065	TRẦN VŨ HẢI ĐĂNG	15/07/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.4	11	51	
18	180131	110066	ĐẶNG THỊ HỒNG ĐIẾP	08/02/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.3	9.6	11	18	
19	120210	110067	TRẦN TRUNG ĐOÀN	11/02/2010	Nam Định	Lộc Hạ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	8.9	11	12	
20	240151	110068	TRẦN AN ĐỒNG	26/02/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	8.6	8.9	11	24	
21	170195	110069	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	19/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.3	9.9	11	17	
22	190150	110070	ĐINH DUY ĐỨC	01/10/2010	Nam Định	Mỹ Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.4	6.8	11	19	
23	170197	110071	HOÀNG MINH ĐỨC	12/03/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.1	9.6	11	17	
24	120215	110072	TRẦN MINH ĐỨC	14/05/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.7	8.8	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 41 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110073 đến Mã số : 110096

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560173	110073	TRỊNH MINH ĐỨC	12/11/2010	Thành phố Hà Nội	Xuân Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.2	8.6	11	56	
2	600162	110074	NGÔ TRƯỜNG GIANG	08/11/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8	8.9	11	60	
3	240170	110075	ĐỖ HOÀNG GIÁP	07/07/2010	Ninh Bình	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.6	9.2	11	24	
4	210131	110076	ĐỖ NGỌC HÀ	27/02/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.9	9.1	11	21	
5	170220	110077	NGUYỄN HỒNG HÀ	23/06/2010	Nam Định	Diễn Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9	11	17	
6	150189	110078	ĐỖ QUANG HẢI	01/09/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Khá	Đỗ			8	8.1	6.6	11	15	
7	550193	110079	ĐỖ GIA HÂN	05/08/2010	Nam Định	Xuân Ngọc	A	Tốt	Khá	Đỗ			9.2	7.6	8.2	11	55	
8	230094	110080	TRẦN THỊ BẢO HÂN	10/12/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9	8.5	11	23	
9	210144	110081	NGUYỄN THỊ HẰNG	29/03/2010	Nam Định	Xã Kim Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9	9.5	11	21	
10	400186	110082	PHẠM XUÂN HIẾU	30/08/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	9	11	40	
11	170260	110083	VŨ HOÀNG HIỆP	17/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.7	11	17	
12	400199	110084	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	21/04/2010	Nam Định	Hải Lý	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.3	11	40	
13	500213	110085	BÙI HUY HOÀNG	16/04/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.9	9.2	11	50	
14	370155	110086	BÙI HUY HOÀNG	14/10/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.3	11	37	
15	170271	110087	ĐÀO NHÂN HÒA	04/02/2010	Nam Định	Mỹ Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.1	8.2	11	17	
16	560205	110088	TRẦN THIÊN HUÂN	19/12/2010	Nam Định	Xuân Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.4	9.4	11	56	
17	370162	110089	DƯƠNG NGỌC HUY	15/09/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.3	9	11	37	
18	600216	110090	ĐÀM QUỐC HUY	16/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.6	9	11	60	
19	120289	110091	NGUYỄN XUÂN HUY	13/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.7	11	12	
20	170284	110092	TRẦN QUANG HUY	13/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.3	9.8	11	17	
21	120296	110093	VŨ NHẬT HUY	18/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.4	11	12	
22	230134	110094	PHẠM CAO HÙNG	23/04/2010	Hồ Chí Minh	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.3	11	23	
23	120309	110095	ĐÀO DUY HÙNG	09/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.6	11	12	
24	170306	110096	NGUYỄN QUANG HÙNG	06/08/2010	Thái Bình	Mỹ Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.4	8.1	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 42 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110097 đến Mã số : 110120

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560224	110097	THIẾU QUANG HUNG	30/11/2010	Nam Định	Xuân Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.6	11	56	
2	260208	110098	BÙI GIA KHÁNH	14/02/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.6	9.6	11	26	
3	170327	110099	ĐINH QUỐC KHÁNH	05/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.5	11	17	
4	600245	110100	NGÔ GIA KHÁNH	13/09/2010	Hà Nội	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	9.4	11	60	
5	610157	110101	PHẠM NGỌC KHÁNH	27/02/2010	Nam Định	xã Nghĩa Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.4	9	11	61	
6	600246	110102	TRẦN BẢO KHÁNH	21/07/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.2	9.6	11	60	
7	560233	110103	TRẦN NAM KHÁNH	12/07/2010	Nam Định	Xuân Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	8.6	11	56	
8	400233	110104	TRẦN NGỌC KHÁNH	02/09/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.5	9	11	40	
9	220167	110105	HOÀNG TUẤN KHOA	15/05/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.9	9.7	11	22	
10	370188	110106	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	27/08/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	9	11	37	
11	610161	110107	PHẠM ANH KHOA	17/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.5	11	61	
12	120341	110108	VŨ ANH KHOA	15/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.8	9.4	11	12	
13	550289	110109	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHOA	19/08/2010	Nam Định	Đặng Xuân Khu	A	Tốt	Khá	Đỗ			9.9	7.7	6.8	11	55	
14	240262	110110	TRƯƠNG THỊ KHUÊ	08/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.8	9.7	11	24	
15	230158	110111	ĐỖ TRUNG KIÊN	03/09/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.5	11	23	
16	600254	110112	HÀ TRUNG KIÊN	26/08/2010	Nam Định	Trực Khang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9	9.6	11	60	
17	250225	110113	NGUYỄN TRUNG KIÊN	07/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	8.8	11	25	
18	170362	110114	NINH VIỆT KIÊN	01/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	9	11	17	
19	560249	110115	PHẠM GIA KIÊN	28/11/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	7.3	8.3	11	56	
20	240265	110116	ĐINH ĐÌNH TRÍ KIÊN	24/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	8	11	24	
21	120353	110117	ĐÀM VŨ TRUNG KIÊN	27/05/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	9	11	12	
22	560252	110118	ĐẶNG TUẤN KIỆT	25/04/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	6.7	9	11	56	
23	560253	110119	NGÔ QUANG KIỆT	22/07/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			10	8.2	8.6	11	56	
24	300211	110120	TRƯƠNG ĐÌNH KIỆT	22/02/2010	Nam Định	Diễn Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.9	8.9	11	30	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 43 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

Mã số : 110121 đến Mã số : 110144

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	180253	110121	ĐẶNG HOÀNG LÂM	17/09/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9	8.9	11	18	
2	240272	110122	NGUYỄN HOÀNG LÂM	01/09/2010	Ninh Bình	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	8.4	11	24	
3	120360	110123	NGUYỄN TUẤN LÂM	03/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.7	8.8	11	12	
4	620215	110124	PHẠM NGỌC LÂM	15/03/2010	Nam Định	TT Rạng Đông	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	7.8	9.1	11	62	
5	600268	110125	TRẦN BẢO LÂM	27/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.3	7.9	11	60	
6	600270	110126	VŨ HOÀNG LÂM	11/07/2010	Thái Bình	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.4	9.5	11	60	
7	170373	110127	VŨ VIỆT LÂM	20/01/2010	Nam Định	Mỹ Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.8	9.1	11	17	
8	300216	110128	CHU ĐÌNH THANH LÂM	22/08/2010	Nam Định	Nam Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	7.8	9	11	30	
9	500266	110129	LÊ KHÁNH LINH	01/01/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.2	9.2	11	50	
10	230171	110130	NGUYỄN HOÀNG LINH	03/11/2010	Nam Định	xã Hiền Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	7	11	23	
11	120390	110131	PHẠM CHÂU LINH	08/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.7	9.1	11	12	
12	500273	110132	PHÙNG KHÁNH LINH	05/03/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.7	11	50	
13	190294	110133	TRẦN GIA LINH	27/01/2010	Thái Bình	THCS xã Hòa Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.1	11	19	
14	560280	110134	TRẦN PHƯƠNG LINH	01/08/2010	Thành phố Hà Nội	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.2	9.1	11	56	
15	300229	110135	TRẦN TUỆ LINH	25/07/2010	Nam Định	Hồng Quang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.4	9.2	11	30	
16	120420	110136	LÊ TRẦN NHẬT LINH	02/05/2010	Thái Bình	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.3	9	11	12	
17	300237	110137	VŨ THỊ LOAN	01/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8	9	11	30	
18	560293	110138	ĐINH BẢO LONG	21/04/2010	Nam Định	Xuân Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.3	9.3	11	56	
19	370232	110139	BÙI KHÁNH LY	19/11/2010	Nam Định	Phương Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.3	9.7	11	37	
20	300251	110140	ĐỖ PHƯƠNG MAI	14/06/2010	Nam Định	Diễn Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.3	8.5	11	30	
21	170442	110141	MAI ĐỨC MẠNH	08/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.7	11	17	
22	210249	110142	BÙI HOÀNG MINH	21/11/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.9	8.6	11	21	
23	170450	110143	BÙI QUANG MINH	18/03/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	9.4	11	17	
24	500306	110144	ĐẶNG NHẬT MINH	24/05/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.4	8.8	11	50	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 44 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110145 đến Mã số : 110168

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120462	110145	HOÀNG NHẬT MINH	12/12/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.1	7.8	11	12	
2	400310	110146	NGUYỄN NGỌC MINH	05/02/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	8.2	11	40	
3	120468	110147	NGUYỄN QUANG MINH	28/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	7.6	9.2	11	12	
4	120473	110148	PHẠM MINH MINH	22/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	8.3	11	12	
5	170468	110149	PHÙNG ĐỨC MINH	26/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.3	11	17	
6	170471	110150	TRẦN NGỌC MINH	07/06/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	8.8	11	17	
7	170474	110151	TRỊNH QUANG MINH	23/12/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	9.4	11	17	
8	250297	110152	LÊ TRẦN BẢO MINH	02/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.7	8.5	11	25	
9	200248	110153	DƯƠNG THỊ NGỌC MINH	08/02/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.4	9.4	11	20	
10	570238	110154	LÊ ĐẶNG QUANG MINH	13/11/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.9	9.4	11	57	
11	240338	110155	NINH TRÀ MY	01/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	7.1	11	24	
12	560330	110156	ĐINH BẢO NAM	10/01/2010	Nam Định	Xuân Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	9.6	11	56	
13	170495	110157	NGUYỄN NHẬT NAM	03/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9	9.8	11	17	
14	330267	110158	TẠ HẢI NAM	25/12/2010	Hà Nội	Nam Toàn	A	Tốt	Khá	Đỗ			9.2	7.7	7.6	11	33	
15	170500	110159	VŨ TRẦN THÀNH NAM	24/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.1	8.5	11	17	
16	210270	110160	PHẠM THU NGÂN	08/05/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	8	11	21	
17	570251	110161	NGUYỄN XUÂN NGHỊ	11/06/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.3	9	11	57	
18	170513	110162	VŨ MINH NGHĨA	27/09/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.8	9.2	11	17	
19	120531	110163	VŨ BẢO NGỌC	01/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.4	9.8	11	12	
20	370289	110164	VŨ ĐOÀN BẢO NGỌC	22/02/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9	11	37	
21	170536	110165	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	04/03/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.4	11	17	
22	120539	110166	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	29/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.3	9.8	11	12	
23	560359	110167	NGUYỄN NGỌC HOÀNG NGUYỄN	26/06/2010	Thái Bình	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	8.8	11	56	
24	170539	110168	TRẦN HỮU HOÀNG NGUYỄN	07/09/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	7.4	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 45 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110169 đến Mã số : 110192

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	210287	110169	NGUYỄN BÁ NHẬT	04/09/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.6	8.7	11	21	
2	400360	110170	PHẠM NGỌC ĐĂNG NHẬT	11/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.3	11	40	
3	170541	110171	NGUYỄN HOÀNG MINH NHẬT	06/06/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	8.5	11	17	
4	300297	110172	BÙI BẢO NHI	12/07/2010	Nam Định	Nam Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	7.9	8.5	11	30	
5	560398	110173	BÙI KIM OANH	08/11/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	8.4	11	56	
6	240392	110174	BÙI QUANG PHÁT	30/05/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.7	9.3	11	24	
7	300306	110175	ĐỖ DUY PHÁT	09/12/2010	Nam Định	Điền Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.2	8.1	11	30	
8	210308	110176	TRẦN ĐỨC PHÁT	23/07/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.7	9.7	11	21	
9	200293	110177	NGUYỄN THANH PHONG	16/08/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.5	9.3	11	20	
10	500404	110178	TRẦN XUÂN PHONG	19/11/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.3	8.6	11	50	
11	120587	110179	VŨ TIẾN PHONG	20/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	7.6	8.6	11	12	
12	560409	110180	LƯƠNG VŨ LÂM PHONG	29/10/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.4	8.7	11	56	
13	120588	110181	BÙI XUÂN PHÚ	14/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.6	11	12	
14	170569	110182	TRẦN ĐỨC PHÚ	20/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.8	9.8	11	17	
15	120591	110183	TRẦN ĐỨC PHÚC	12/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9	9.4	11	12	
16	370328	110184	VŨ MINH PHÚC	12/08/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	9.1	11	37	
17	300320	110185	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	07/02/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.2	9.4	11	30	
18	170589	110186	ĐOÀN THI THU PHƯƠNG	25/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.2	9.8	11	17	
19	220285	110187	BÙI HỮU PHƯỚC	08/09/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	7.9	8.9	11	22	
20	600429	110188	HÀ HỮU PHƯỚC	05/06/2010	Nam Định	TT Liễu Đề	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	8.8	11	60	
21	500421	110189	TRẦN HỮU PHƯỚC	29/12/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8	8.2	11	50	
22	170593	110190	PHẠM NHẬT QUANG	25/03/2010	Nam Định	Tổng Văn Trần	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.2	9.5	11	17	
23	120626	110191	CAO MINH QUÂN	16/09/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.4	11	12	
24	120629	110192	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	09/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.5	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng :

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 46 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

Mã số : 110193 đến Mã số : 110216

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	600434	110193	NGUYỄN MINH QUÂN	28/09/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.1	8.8	11	60	
2	500429	110194	TRẦN CHÍ QUÂN	03/01/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	6.7	8.7	11	50	
3	170600	110195	VŨ ANH QUÂN	05/01/2010	Nam Định	Lộc Vượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	8.2	11	17	
4	370342	110196	NGUYỄN BẢO QUYÊN	12/01/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.9	9.1	11	37	
5	240448	110197	HÀ MINH SƠN	17/09/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.7	8.1	11	24	
6	510387	110198	PHẠM TRƯỜNG SƠN	04/10/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.9	8.5	11	51	
7	500447	110199	ĐỖ ĐỨC TÀI	17/07/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.3	9	11	50	
8	510392	110200	VŨ KHÁNH TÂM	31/08/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	7.9	11	51	
9	410394	110201	PHẠM VŨ CÔNG THANH	17/10/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	7.4	7	11	41	
10	560448	110202	MAI HỒNG THÁI	05/01/2010	Nam Định	Xuân Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.6	9.5	11	56	
11	510408	110203	NGUYỄN NHƯ THẢO	09/10/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.4	9.2	11	51	
12	560468	110204	VŨ QUANG THẮNG	20/02/2010	Nam Định	Xuân Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	9.3	11	56	
13	560469	110205	TRẦN BÁ THẾ	24/02/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	6.4	7.7	11	56	
14	170647	110206	PHẠM HUNG THỊNH	07/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.2	9.8	11	17	
15	170652	110207	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THÚY	26/03/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.5	8.8	11	17	
16	120694	110208	HOÀNG THANH THÚY	06/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.4	9.7	11	12	
17	500475	110209	ĐOÀN ANH THƯ	24/03/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9.4	11	50	
18	300381	110210	HOÀNG ANH THƯ	22/01/2010	Nam Định	Nam Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	9	11	30	
19	560487	110211	TRẦN ANH THƯ	22/01/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.5	9.3	11	56	
20	170661	110212	VŨ MINH THƯ	20/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.3	9.8	11	17	
21	310438	110213	NGUYỄN HÀ THƯƠNG	02/10/2010	Thái Bình	TT Nam Giang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.8	9.1	11	31	
22	300389	110214	LÊ NGỌC THỦY TIÊN	18/01/2010	Đồng Nai	Nam Thắng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.1	9	11	30	
23	500501	110215	VŨ QUYẾT TIÊN	31/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	9	11	50	
24	550579	110216	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	31/08/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.2	9.1	11	55	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 47 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

Mã số : 110217 đến Mã số : 110229

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	260437	110217	NGUYỄN MINH TRANG	25/01/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.9	7.7	11	26	
2	210382	110218	CHỦNGỌC MAI TRANG	11/01/2010	Nam Định	Công Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.7	9	11	21	
3	210384	110219	LÊ THỊ THU TRANG	07/01/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.4	11	21	
4	260447	110220	ĐỖ MINH TRÍ	12/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8	9.1	11	26	
5	170691	110221	NGUYỄN MINH TRÍ	31/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.9	9.6	11	17	
6	310464	110222	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	21/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	8.3	9.2	11	31	
7	210387	110223	TRẦN NHẬT TRUNG	02/09/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.8	6.7	7.9	11	21	
8	120765	110224	LÊ QUANG TUẤN	24/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.1	11	12	
9	570403	110225	NGÔ THÁI TUẤN	01/01/2010	Nam Định	Xuân Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.3	9.3	11	57	
10	170702	110226	NGUYỄN MINH TUẤN	03/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9	9	11	17	
11	310474	110227	PHẠM QUỐC TUẤN	10/10/2010	Nam Định	Nam Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.1	8.8	11	31	
12	560527	110228	TRẦN QUỐC TUẤN	20/08/2010	Nam Định	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.4	8.7	11	56	
13	500550	110229	ĐINH MINH TÙNG	04/05/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.1	8.1	11	50	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

MÔN CHUYÊN : Toán Chuyên

Phòng thi số : 48 Địa điểm: THPT Nguyễn Khuyến

Mã số : 110230 đến Mã số : 110242

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	240569	110230	PHẠM THẾ TÙNG	26/06/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.8	8.9	11	24	
2	170717	110231	TRẦN THANH TÙNG	02/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9.7	11	17	
3	220401	110232	ĐÀO DUY TỬ	30/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.4	9.2	11	22	
4	580418	110233	TRẦN MỸ UYÊN	15/03/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	7.3	7.5	11	58	
5	210406	110234	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	27/09/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	8.3	9.1	11	21	
6	120784	110235	TRẦN ĐÀO PHƯƠNG UYÊN	06/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.1	9.6	11	12	
7	370454	110236	TRẦN QUỐC VIỆT	22/03/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	8.9	9.2	11	37	
8	550651	110237	ĐỖ QUANG VINH	26/12/2010	Nam Định	Xuân Thượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	9.1	11	55	
9	310501	110238	LẠI VĂN VINH	25/10/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.1	8.5	11	31	
10	120817	110239	ĐOÀN THỊ YẾN VY	08/05/2010	Nam Định	Điền Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.3	11	12	
11	310523	110240	ĐOÀN ANH VỸ	17/05/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.8	8.9	11	31	
12	570445	110241	ĐẶNG THỊ HẢI YẾN	18/10/2010	Nam Định	Xuân Đái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	8.9	11	57	
13	170762	110242	VŨ THỊ HẢI YẾN	26/04/2010	Nam Định	Điền Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.2	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 49 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110506 đến Mã số : 110529

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120009	110506	NGUYỄN KIM AN	31/01/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9	11	12	
2	120010	110507	NGUYỄN THANH AN	17/06/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.2	7.8	11	12	
3	430006	110508	ĐỖ THỊ HẢI AN	19/05/2010	Nam Định	TT Thịnh Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.5	9	11	43	
4	170020	110509	BÙI DIỆP ANH	09/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.7	11	17	
5	560013	110510	BÙI QUỲNH ANH	22/01/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	9.2	9.3	11	56	
6	370010	110511	ĐẶNG QUỲNH ANH	25/10/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.4	11	37	
7	310008	110512	ĐOÀN CHÂU ANH	13/08/2010	Nam Định	Đồng Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.8	11	31	
8	120025	110513	ĐỖ THỤY ANH	07/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.2	11	12	
9	500015	110514	NGÔ NGỌC ANH	11/11/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	8.4	11	50	
10	560028	110515	NGÔ THẢO ANH	20/09/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	8	11	56	
11	170035	110516	NGUYỄN HÀ ANH	12/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8	8.5	11	17	
12	120051	110517	NGUYỄN TỬ ANH	15/06/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.2	11	12	
13	120056	110518	PHẠM MINH ANH	09/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.5	11	12	
14	120058	110519	PHẠM PHƯƠNG ANH	25/05/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	9.5	11	12	
15	120070	110520	TRẦN QUỲNH ANH	23/01/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9	9.2	11	12	
16	170061	110521	TRẦN QUỲNH ANH	10/02/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	9.1	8.2	11	17	
17	120071	110522	TRẦN QUỲNH ANH	20/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	9.5	11	12	
18	170062	110523	TRẦN QUỲNH ANH	03/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	8.7	8.9	11	17	
19	120072	110524	TRẦN VIỆT ANH	08/02/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.6	7.4	11	12	
20	170065	110525	TRẦN VIỆT ANH	06/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	9.4	11	17	
21	120078	110526	VŨ MAI ANH	09/02/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.4	11	12	
22	120079	110527	VŨ MAI ANH	01/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.2	11	12	
23	120080	110528	VŨ NGỌC ANH	11/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	9.2	11	12	
24	120081	110529	NGUYỄN NGỌC CHÂU ANH	17/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	9.3	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 50 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110530 đến Mã số : 110553

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	510036	110530	TRẦN THỊ DIỆU ANH	16/02/2010	Nam Định	Bạch Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.8	8.5	11	51	
2	210037	110531	BÙI THỊ LAN ANH	04/02/2010	Cà Mau	Yên Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.7	8.9	11	21	
3	240034	110532	NINH HOA LAN ANH	10/08/2010	Nam Định	Yên Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	8.4	11	24	
4	550037	110533	VŨ THỊ MAI ANH	13/05/2010	Nam Định	Xuân Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.2	11	55	
5	250045	110534	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	26/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			8	7.5	6.7	11	25	
6	120092	110535	LÊ TRẦN PHƯƠNG ANH	11/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	8.9	9.5	11	12	
7	370041	110536	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	20/06/2010	Nam Định	Phượng Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	9.1	8.8	11	37	
8	140053	110537	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	19/05/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	8.6	11	14	
9	370046	110538	NGUYỄN THỊ Tú ANH	11/02/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	9	11	37	
10	250049	110539	ĐINH THỊ VÂN ANH	19/03/2010	Nam Định	Yên Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.5	9.1	11	25	
11	120104	110540	PHẠM LÊ VÂN ANH	19/08/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9	9.2	11	12	
12	120109	110541	HOÀNG NGUYỆT ÁNH	29/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	9	8.1	11	12	
13	120110	110542	NGUYỄN NGỌC ÁNH	13/11/2010	Nam Định	Điền Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.5	9.7	11	12	
14	120114	110543	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	08/05/2010	Nam Định	Tổng Văn Trân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.6	9.7	11	12	
15	310065	110544	VŨ NGUYỄN NGỌC CHÂM	12/04/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.2	8.9	8.4	11	31	
16	120134	110545	LÊ GIA BẢO CHÂU	30/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.5	11	12	
17	120136	110546	VŨ THỊ HÀ CHÂU	10/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.6	11	12	
18	170121	110547	VŨ HOÀNG MINH CHÂU	13/10/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.7	11	17	
19	560096	110548	VŨ NGỌC MINH CHÂU	10/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.3	9.3	11	56	
20	120139	110549	TRẦN THỊ NGỌC CHÂU	19/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	9.5	11	12	
21	500090	110550	DOÃN DIỆU CHI	26/08/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	8.8	11	50	
22	120145	110551	NGÔ CẨM CHI	21/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.5	9.7	11	12	
23	120149	110552	NGUYỄN THÙY CHI	26/09/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.2	7.8	11	12	
24	170126	110553	NINH KIM CHI	20/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.6	9.1	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 51 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110554 đến Mã số : 110577

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	240083	110554	PHẠM LINH CHI	10/07/2010	Thành phố Hà Nội	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.6	9	11	24	
2	120153	110555	TRẦN LINH CHI	27/07/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.4	8.9	11	12	
3	120154	110556	VŨ AN CHI	14/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.7	11	12	
4	560113	110557	NGUYỄN LƯƠNG KIM CHI	13/04/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	8.4	11	56	
5	120156	110558	TRẦN THỊ LINH CHI	08/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	9.7	11	12	
6	240089	110559	TRỊNH THỊ YẾN CHI	16/09/2010	Nam Định	Yên Quang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.8	8.8	11	24	
7	560116	110560	NGUYỄN THỊ HIỀN CHINH	14/04/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.8	8.3	11	56	
8	500120	110561	BÙI NGỌC DIỆP	08/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.5	9.7	11	50	
9	120162	110562	ĐỖ NGỌC DIỆP	16/04/2010	Nam Định	Diễn Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9.3	9.5	11	12	
10	500121	110563	NGUYỄN NGỌC DIỆP	12/09/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.4	9.8	11	50	
11	560132	110564	BÙI HUYỀN DIỆU	16/07/2010	Nam Định	thị trấn Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.6	8.3	11	56	
12	560140	110565	TRẦN ÁNH DIỆU	05/09/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.8	8.9	11	56	
13	210080	110566	NGUYỄN THỊ DỊU	28/11/2010	Nam Định	Hợp Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9	8.5	11	21	
14	210081	110567	TRẦN ĐỖ HUYỀN DỊU	23/04/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	8.2	11	21	
15	170145	110568	BÙI THÙY DUNG	21/09/2010	Thành phố Hà Nội	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.5	8.3	8.2	11	17	
16	120169	110569	ĐINH THÙY DUNG	13/02/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.1	8.6	11	12	
17	300091	110570	PHAN HẠNH DUNG	21/08/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.2	11	30	
18	500144	110571	PHẠM THÙY DUYÊN	24/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.6	9.4	11	50	
19	560155	110572	PHẠM THỊ NGỌC DUYÊN	21/10/2010	Nam Định	thị trấn Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	9	11	56	
20	170154	110573	NGUYỄN TUẤN DŨNG	23/06/2010	Thành phố Hà Nội	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	7.8	8.4	11	17	
21	400127	110574	ĐẶNG THỦY DƯƠNG	23/06/2010	Đồng Nai	Xuân Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.3	11	40	
22	170160	110575	ĐOÀN ÁNH DƯƠNG	30/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9	9.1	11	17	
23	510113	110576	LÂM ÁNH DƯƠNG	12/09/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.7	9.8	11	51	
24	370111	110577	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	04/07/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.6	9	11	37	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 52 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110578 đến Mã số : 110601

HD thi **TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG**

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	230068	110578	TRẦN THUY DƯƠNG	30/03/2010	Nam Định	xã Hiền Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	7.8	11	23	
2	120182	110579	TRẦN THUY DƯƠNG	18/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.8	9.5	11	12	
3	120187	110580	THÁI LINH ĐAN	17/11/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	7.7	8.7	11	12	
4	240137	110581	NGUYỄN ANH ĐÀI	07/01/2010	Nam Định	Yên Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.5	9.2	11	24	
5		110582	ĐỖ THÀNH ĐẠT	11/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.2	8	11		
6	120220	110583	CHU HƯƠNG GIANG	12/03/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.2	11	12	
7	180141	110584	ĐẶNG HƯƠNG GIANG	23/08/2010	Thành phố Hà Nội	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	7.7	11	18	
8	250132	110585	ĐỖ LINH GIANG	08/10/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.2	8.7	11	25	
9	510149	110586	LƯU HƯƠNG GIANG	28/04/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	9.4	8.1	11	51	
10	120228	110587	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	24/09/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.2	11	12	
11	370130	110588	VŨ THỊ LINH GIANG	19/05/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.4	8.9	11	37	
12	120230	110589	PHẠM QUỲNH GIAO	19/04/2010	Nam Định	Tổng Văn Trản	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.8	9.7	11	12	
13	300132	110590	ĐOÀN KHÁNH HÀ	14/03/2010	Thành phố Hà Nội	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.2	9	7.9	11	30	
14	120236	110591	LƯU MAI HÀ	20/12/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.4	11	12	
15	120238	110592	NGÔ PHƯƠNG HÀ	22/08/2010	Nam Định	Tổng Văn Trản	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.9	11	12	
16	170221	110593	NGUYỄN KHÁNH HÀ	03/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.5	9.7	11	17	
17	500189	110594	NGUYỄN THANH HÀ	01/03/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.8	9.4	11	50	
18	170223	110595	TẠ THANH HÀ	02/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.6	8.5	11	17	
19	370133	110596	TRẦN NGÂN HÀ	12/12/2010	Nam Định	Nam Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9	11	37	
20	120241	110597	TRẦN NGỌC HÀ	17/05/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	9.2	11	12	
21	120245	110598	VŨ NGỌC HÀ	30/05/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.3	9.4	11	12	
22	370136	110599	VŨ NGỌC HÀ	11/06/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.2	8.9	11	37	
23	560183	110600	VŨ THU HÀ	22/01/2010	Nam Định	Xuân Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.3	11	56	
24	120246	110601	PHẠM TRẦN KHÁNH HÀ	23/04/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.4	8.6	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 53 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110602 đến Mã số : 110625

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120248	110602	NGUYỄN THỊ NGÂN HÀ	11/11/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.2	11	12	
2	120250	110603	TRẦN THỊ PHƯƠNG HÀ	04/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.5	9.7	11	12	
3	510160	110604	LƯU THỊ THÁI HÀ	09/08/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.1	9.2	11	51	
4	120251	110605	TRẦN ĐĂNG THU HÀ	04/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.3	9.6	11	12	
5	600179	110606	TRẦN HOÀNG HẢI	08/04/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.8	8.3	11	60	
6	560186	110607	ĐINH THỊ VINH HẢO	11/09/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.4	8.2	11	56	
7	600180	110608	ĐỖ NGỌC HÂN	08/06/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	8.8	11	60	
8	120257	110609	NGUYỄN BẢO HÂN	17/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	9	9.4	11	12	
9	310159	110610	NGUYỄN GIA HÂN	20/09/2010	Nam Định	Đồng Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.7	9.3	9.9	11	31	
10	170237	110611	NGUYỄN MAI HÂN	09/07/2010	Thành phố Hà Nội	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.6	8.2	8.3	11	17	
11	180169	110612	ĐẶNG THỊ NGỌC HÂN	17/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.4	8.1	11	18	
12	560189	110613	ĐỖ MINH HẰNG	08/08/2010	Thái Bình	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	8.5	11	56	
13	120264	110614	NGUYỄN MINH HẰNG	27/03/2010	Nam Định	Nam Mỹ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.8	9.3	11	12	
14	120265	110615	NGUYỄN PHƯƠNG HẰNG	02/03/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	9.1	11	12	
15	550205	110616	TRẦN THỊ THANH HẰNG	29/09/2010	Nam Định	thị trấn Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.8	7.9	11	55	
16	170246	110617	PHẠM THỊ THU HIỀN	15/03/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	8.2	11	17	
17	170248	110618	ĐỖ MINH HIẾU	20/04/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Khá	Đỗ			8	8	7.4	11	17	
18	230107	110619	NGUYỄN MINH HIỀN	08/02/2010	Nam Định	xã Hiên Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.7	9	11	23	
19	300150	110620	PHAN THỊ HIỀN	20/03/2010	Nam Định	Hồng Quang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.3	11	30	
20	120269	110621	TRỊNH THANH HIỀN	13/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.6	11	12	
21	240215	110622	TRẦN THỊ HỒNG HOA	26/11/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.9	9	11	24	
22	170264	110623	ĐOÀN PHƯƠNG HOÀI	10/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.7	9.2	11	17	
23	120281	110624	NGUYỄN THỊ HOẠT	03/05/2009	Nam Định	XÃ TÂN THÁNH	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	8.4	11	12	
24	120282	110625	TRẦN THỊ KIM HỒNG	15/05/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8	9.1	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 54 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110626 đến Mã số : 110649

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	140175	110626	NGÔ QUANG HUY	19/09/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.2	9	11	14	
2	120297	110627	ĐÌNH THU HUYỀN	31/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.8	9.2	11	12	
3	120299	110628	NGUYỄN THU HUYỀN	13/11/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	7.5	9.4	11	12	
4	260190	110629	TRẦN KHÁNH HUYỀN	15/03/2010	Nam Định	Yên Lương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.8	8.4	11	26	
5	120300	110630	TRẦN PHƯƠNG HUYỀN	16/06/2010	Thành phố Hà Nội	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.2	11	12	
6	140197	110631	PHẠM NHẬT HÙNG	01/01/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.2	8	11	14	
7	150266	110632	NGUYỄN DUY HÙNG	16/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Đạt	Đỗ			5.8	7.1	6.1	11	15	
8	120313	110633	TRẦN GIA HUNG	09/08/2010	Nam Định	Lộc Hạ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.3	6.9	11	12	
9	120317	110634	ĐỖ MAI HƯƠNG	10/05/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.2	11	12	
10	180226	110635	TRẦN DIỆU HƯƠNG	14/12/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.5	8.3	11	18	
11	170317	110636	PHẠM TRẦN HẢI HƯƠNG	24/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.8	11	17	
12	120328	110637	ĐÌNH GIA KHÁNH	13/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.3	8	11	12	
13	170330	110638	HÀ NGỌC KHÁNH	15/05/2010	Khánh Hòa	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	9.7	11	17	
14	300199	110639	LƯU BẢO KHÁNH	02/10/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.9	8.6	11	30	
15	510230	110640	NGUYỄN AN KHÁNH	14/06/2010	Nam Định	Bạch Long	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9.2	11	51	
16	170331	110641	NGUYỄN PHÚC KHÁNH	24/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	7.5	8	11	17	
17	500247	110642	NGUYỄN VĂN KHÁNH	25/06/2010	Nam Định	Giao Thanh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.5	9.3	11	50	
18	210197	110643	VŨ VĂN KHÁNH	17/10/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	8.7	11	21	
19	120334	110644	NGUYỄN NGỌC BẢO KHÁNH	27/05/2010	Thái Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	9.5	11	12	
20	120338	110645	LÂM HÀ NGÂN KHÁNH	09/09/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	8.4	11	12	
21	170341	110646	PHẠM NGUYỄN NGÂN KHÁNH	04/09/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	8.3	11	17	
22	300203	110647	TRẦN ĐĂNG KHOA	15/03/2010	Yên Bái	Nam Hồng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9.2	9.1	11	30	
23	170358	110648	NGUYỄN MINH KHUÊ	04/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9	9.4	11	17	
24	170359	110649	TẠ MINH KHUÊ	04/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.5	6.5	8.2	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 55 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110650 đến Mã số : 110673

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170360	110650	NGUYỄN NGỌC NHƯ KHUÊ	08/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9	9.8	11	17	
2	170363	110651	VŨ ANH KIẾT	22/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	8	11	17	
3	570188	110652	NGUYỄN THANH LAM	26/04/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	8.8	11	57	
4	210206	110653	NGUYỄN THỊ MAI LAN	05/08/2010	Nam Định	Cộng Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.7	9.5	11	21	
5	120357	110654	LÊ HOÀNG PHƯƠNG LAN	11/04/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.1	11	12	
6	120359	110655	NGÔ MINH LÂM	23/09/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	9.2	11	12	
7	570193	110656	VŨ THỊ MAI LÂM	07/11/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	8.9	11	57	
8	560266	110657	BÙI PHƯƠNG LINH	14/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.2	7.8	11	56	
9	170379	110658	ĐÀO TRÚC LINH	10/05/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	8.2	11	17	
10	570195	110659	ĐẶNG KHÁNH LINH	07/06/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	8.4	11	57	
11	120379	110660	LƯU KHÁNH LINH	05/04/2010	Thái Bình	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.2	11	12	
12	120383	110661	NGUYỄN ĐAN LINH	23/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.3	9.7	11	12	
13	120386	110662	NGUYỄN HÀ LINH	25/02/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	8.4	11	12	
14	170392	110663	NGUYỄN TRANG LINH	16/07/2010	Thành phố Hà Nội	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.5	8.8	11	17	
15	120397	110664	TRẦN GIA LINH	30/12/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	8.9	11	12	
16	140245	110665	TRẦN THUY LINH	10/03/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.2	6.7	11	14	
17	120403	110666	TRIỆU KHÁNH LINH	28/01/2010	Nam Định	Hồng Quang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	8.9	9.4	11	12	
18	230177	110667	TRIỆU NGỌC LINH	31/10/2010	Nam Định	xã Hiến Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.2	7.3	11	23	
19	170406	110668	VŨ KHÁNH LINH	18/05/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.1	8	8.4	11	17	
20	210225	110669	BÙI NGỌC HÀ LINH	24/12/2009	Nam Định	Xã Kim Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.3	9.1	11	21	
21	550324	110670	NGHIÊM THỊ HÀ LINH	22/07/2010	Thái Bình	Xuân Ngọc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.9	8	11	55	
22	180275	110671	ĐẶNG THỊ KHÁNH LINH	19/05/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9	8.5	11	18	
23	170417	110672	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	07/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	8.1	11	17	
24	180277	110673	ĐẶNG ĐÌNH MAI LINH	16/01/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.2	8.2	11	18	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.
- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:
- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ... SBD vắng :
- Số thí sinh dự thi môn Toán : ... SBD vắng :
- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ... SBD vắng :
- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ... SBD vắng :
- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

Họ tên, chữ ký của các giám thị

- 1.
- 2.

Buổi thi thứ 1

- 1.
- 2.

Buổi thi thứ 2

- 1.
- 2.

Buổi thi thứ 3

- 1.
- 2.

Buổi thi chuyên NV1

- 1.
- 2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 56 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110674 đến Mã số : 110697

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120422	110674	TRẦN ĐỖ NHẬT LINH	11/09/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.1	7	11	12	
2	120424	110675	VŨ THỊ NHẬT LINH	24/04/2010	Thành phố Hà Nội	Luong Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.6	8.8	11	12	
3	180278	110676	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG LINH	06/04/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	9.1	11	18	
4	270149	110677	HOÀNG LÊ PHƯƠNG LINH	03/05/2010	Ninh Bình	Yên Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.3	9.2	11	27	
5	120427	110678	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG LINH	23/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	9.6	11	12	
6	210231	110679	PHÙNG THỊ THÙY LINH	11/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	9.1	7.2	11	21	
7	370220	110680	VŨ THỊ THÙY LINH	20/09/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.4	8.3	11	37	
8	120431	110681	TRINH THỊ YẾN LINH	11/09/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	9.1	9.3	11	12	
9	600301	110682	TRẦN TUẤN LONG	09/06/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.5	8.1	11	60	
10	120435	110683	ĐỒNG BẢO LY	18/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	9	11	12	
11	200227	110684	PHẠM KHÁNH LY	22/10/2010	Nam Định	Vĩnh Hào	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	8.8	11	20	
12	120437	110685	TRẦN KHÁNH LY	14/11/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	9	11	12	
13	120440	110686	LẠI MINH NGỌC LY	21/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.5	11	12	
14	120443	110687	HOÀNG NHẬT MAI	21/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.4	8.5	11	12	
15	120444	110688	TRẦN HẠNH MAI	27/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.2	9.5	11	12	
16	310266	110689	VŨ BAN MAI	07/03/2010	Nam Định	Nam Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.8	9.7	11	31	
17	150360	110690	ĐINH TRẦN HIỀN MAI	12/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.2	7.6	7.3	11	15	
18	240321	110691	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	25/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	8.4	11	24	
19	600309	110692	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	03/01/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.2	9.3	11	60	
20	120458	110693	ĐÀO HẢI MINH	28/04/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8	9	11	12	
21	120476	110694	TRẦN ANH MINH	07/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.9	8.7	11	12	
22	240337	110695	VŨ THỊ MINH MINH	02/05/2010	Nam Định	Yên Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.1	11	24	
23	120488	110696	TRẦN HÀ MY	15/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	9	11	12	
24	120490	110697	VŨ TRÀ MY	11/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	9.6	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 57 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110698 đến Mã số : 110721

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120491	110698	VŨ TRÀ MY	04/11/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9	11	12	
2	370269	110699	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	27/05/2010	Nam Định	Phượng Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	9.2	8.8	11	37	
3	120501	110700	TRƯƠNG HOÀNG NAM	22/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	8.5	11	12	
4	240352	110701	PHÙNG THỊ ANH	20/08/2010	Nam Định	Yên Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.5	8.7	11	24	
5	400333	110702	MAI PHƯƠNG NGÂN	08/10/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	8.6	11	40	
6	120511	110703	VŨ THANH NGÂN	24/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9	8.5	11	12	
7	200270	110704	NGÔ TRẦN KIM NGÂN	26/02/2010	Nam Định	Nguyễn Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.1	11	20	
8	120518	110705	ĐÀO BẢO NGỌC	25/07/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9	9.6	11	12	
9	140300	110706	ĐẶNG KHÁNH NGỌC	30/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.5	7.9	6.8	11	14	
10	120519	110707	HOÀNG BẢO NGỌC	29/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9	8.3	11	12	
11	170514	110708	LÊ ANH NGỌC	10/02/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.5	8.3	11	17	
12	120525	110709	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	16/11/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	8.6	11	12	
13	120526	110710	NGUYỄN MINH NGỌC	03/04/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.4	8.2	11	12	
14	170517	110711	TRẦN BẢO NGỌC	23/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.9	9.7	11	17	
15	170519	110712	TRẦN BẢO NGỌC	17/04/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.3	8.7	11	17	
16	140306	110713	TRỊNH ANH NGỌC	19/06/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.7	8.8	7.3	11	14	
17	120530	110714	TRƯƠNG BẢO NGỌC	31/01/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	8.7	11	12	
18	310306	110715	VŨ MINH NGỌC	10/07/2010	Nam Định	TT Nam Giang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.6	11	31	
19	120533	110716	VŨ MINH NGỌC	27/08/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	8.6	11	12	
20	120534	110717	VŨ MINH NGỌC	30/10/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	8.6	11	12	
21	120536	110718	NGUYỄN TÀI BẢO NGỌC	09/02/2010	Lạng Sơn	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.7	8.9	11	12	
22	500360	110719	TÔ DOãn BẢO NGỌC	22/04/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9.6	11	50	
23	170529	110720	TRẦN NGUYỄN BẢO NGỌC	11/09/2010	Nam Định	Hân Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	8.9	11	17	
24	180337	110721	LÊ HOÀNG KHÁNH NGỌC	12/06/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.4	8.7	11	18	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 58 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110722 đến Mã số : 110745

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	600367	110722	HOÀNG VŨ MINH NGỌC	13/08/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.2	8.7	11	60	
2	170535	110723	ĐẶNG THẢO NGUYỄN	05/04/2010	Hà Nam	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.8	11	17	
3	370295	110724	LƯƠNG HÀ NGUYỄN	10/04/2010	Nam Định	Phương Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	8.9	11	37	
4	170537	110725	PHÙNG THẢO NGUYỄN	01/11/2010	Thái Bình	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	8.8	11	17	
5	400350	110726	VŨ BẢO NGUYỄN	20/02/2010	Nam Định	TT Yên Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.2	8.3	11	40	
6	560360	110727	PHẠM CHÍ NGUYỄN	01/11/2010	Nam Định	Xuân Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.9	9.2	11	56	
7	180348	110728	ĐẶNG LINH NHI	14/10/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.1	7.6	11	18	
8	170542	110729	ĐINH BẢO NHI	20/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.3	8.3	7.2	11	17	
9	120556	110730	LƯƠNG BẢO NHI	24/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.6	11	12	
10	120558	110731	NGUYỄN LINH NHI	13/07/2010	Ninh Bình	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.4	9.5	11	12	
11	170546	110732	VŨ YẾN NHI	18/04/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.4	9.1	11	17	
12	120572	110733	TRẦN NGỌC LÂM NHI	02/12/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	8.6	11	12	
13	180360	110734	VŨ TRẦN LINH NHI	05/08/2010	Nam Định	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.8	8.8	11	18	
14	170548	110735	LÊ NGUYỄN TUỆ NHI	09/10/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.6	8.7	8.2	11	17	
15	240381	110736	HOÀNG THỊ YẾN NHI	08/04/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.6	7.7	11	24	
16	120578	110737	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	15/11/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.1	11	12	
17	370311	110738	TRẦN BẢO YẾN NHI	29/10/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.2	9	11	37	
18	240386	110739	BÙI CẨM NHUNG	04/09/2010	Nam Định	Yên Quang	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	9.2	11	24	
19	560394	110740	PHẠM QUỲNH NHƯ	26/07/2010	Nam Định	thị trấn Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	9.5	11	56	
20	400375	110741	ĐINH THỊ TỎ NHƯ	01/10/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	7.6	11	40	
21	240391	110742	NGÔ KIỀU OANH	10/05/2010	Nam Định	Yên Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.3	8.2	11	24	
22	120582	110743	LÊ TRẦN LÂM OANH	19/08/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	9.3	11	12	
23	220265	110744	NGUYỄN VŨ MINH PHI	11/11/2010	Nam Định	Vinh Hào	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.3	8.3	11	22	
24	170568	110745	PHẠM MINH PHÚ	22/11/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.6	8.3	11	17	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 59 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110746 đến Mã số : 110769

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	310358	110746	TRẦN MINH PHÚC	12/12/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.1	8.6	11	31	
2	120596	110747	BÙI HÀ PHƯƠNG	13/11/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	9	11	12	
3	170576	110748	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	12/06/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9.3	11	17	
4	120600	110749	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	07/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.8	9.3	11	12	
5	220277	110750	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	21/05/2010	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.1	7.4	11	22	
6	120604	110751	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	01/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.5	8.6	11	12	
7	560418	110752	TRẦN HÀ PHƯƠNG	20/03/2010	Sóc Trăng	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.3	8.7	11	56	
8	120609	110753	TRẦN THANH PHƯƠNG	13/01/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.2	9.7	11	12	
9	170586	110754	VŨ NGUYỄN LIÊN PHƯƠNG	10/11/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	8.6	11	17	
10	120612	110755	ĐOÀN VŨ MAI PHƯƠNG	16/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.1	11	12	
11	400394	110756	ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG	22/08/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	8.4	11	40	
12	120614	110757	TRẦN THỊ THUỶ PHƯƠNG	04/08/2010	Thái Bình	Mỹ Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8	8.7	11	12	
13	120620	110758	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	30/07/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	8.6	11	12	
14	120637	110759	ĐỖ NHẬT QUYÊN	06/02/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	8.6	11	12	
15	230280	110760	TRẦN THỊ HỒNG QUYÊN	07/01/2010	Nam Định	xã Hiền Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	8.1	11	23	
16	310378	110761	PHẠM ÁNH QUỶ	27/08/2010	Tiền Giang	Đồng Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.1	11	31	
17	210329	110762	ĐÀO THÚY QUỶNH	12/01/2010	Nam Định	xã Trung Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	7.7	11	21	
18	120639	110763	NGUYỄN TRÚC QUỶNH	02/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.3	9.6	11	12	
19	170608	110764	PHẠM HẢI QUỶNH	29/10/2010	Thái Bình	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.9	9.6	11	17	
20	400409	110765	PHẠM NHƯ QUỶNH	19/01/2010	Nam Định	Xuân Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.9	8.2	11	40	
21	190471	110766	TRẦN NHƯ QUỶNH	27/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Khá	Đỗ			6.5	7.6	7.3	11	19	
22	240445	110767	TRƯƠNG TÂN SANG	30/08/2010	Nam Định	Yên Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.3	9.7	11	24	
23	120648	110768	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG SƠN	14/12/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	9.7	11	12	
24	300344	110769	ĐẶNG MINH TÂM	24/02/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	9	8.2	11	30	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 60 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110770 đến Mã số : 110793

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120654	110770	LƯƠNG MINH TÂM	07/07/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	9	11	12	
2	400420	110771	HOÀNG THỊ NINH TÂM	07/02/2010	Nam Định	Hải Triều	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.8	9.3	11	40	
3	120655	110772	LÊ THỊ THANH TÂM	17/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.2	9.5	11	12	
4	400421	110773	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	26/04/2010	Nam Định	Trực Đại	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	8.3	11	40	
5	510397	110774	TRẦN NHẬT TÂN	04/11/2010	Đắk Nông	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.8	9	11	51	
6	180427	110775	NGUYỄN HÀ THANH	12/12/2010	Nam Định	Mỹ Thịnh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.5	8.2	11	18	
7	560447	110776	TRẦN PHƯƠNG THANH	01/11/2010	Nam Định	Xuân Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.5	8.3	11	56	
8	180429	110777	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	21/09/2010	Nam Định	Mỹ Hà	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.5	8.5	11	18	
9	140374	110778	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	10/01/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.3	9	11	14	
10	120665	110779	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	10/03/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.9	8.9	11	12	
11	560459	110780	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	10/11/2010	Nam Định	Xuân Ngọc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	9	8.2	11	56	
12	120666	110781	PHẠM PHƯƠNG THẢO	24/09/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	8.7	11	12	
13	120669	110782	PHẠM THANH THẢO	22/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.2	9	11	12	
14	120673	110783	TRẦN THANH THẢO	07/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9	9.7	11	12	
15	600465	110784	VŨ THANH THẢO	29/01/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	9.2	8.4	11	60	
16	400439	110785	BÙI THỊ BẢO THỊ	20/01/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.8	11	40	
17	190520	110786	NGUYỄN THỊ THIÊN	24/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.9	7.8	6.9	11	19	
18	600487	110787	PHẠM AN THUẬN	06/08/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.9	8.4	11	60	
19	120692	110788	LÊ MINH THÚY	22/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.9	9.2	11	12	
20	170650	110789	NGÔ PHƯƠNG THÚY	24/10/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.3	8.5	11	17	
21	200354	110790	NGUYỄN THANH THÚY	19/05/2010	Nam Định	Vĩnh Hào	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	8.1	11	20	
22	550549	110791	NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY	25/04/2010	Nam Định	Xuân Châu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.9	6.7	11	55	
23	300377	110792	BÙI KHÁNH THƯ	30/08/2010	Nam Định	Diễn Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.2	7.9	11	30	
24	140401	110793	ĐÀO MINH THƯ	31/07/2010	Nam Định	Nam Mỹ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.5	9.2	11	14	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 61 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 110794 đến Mã số : 110817

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	250418	110794	HOÀNG ANH THƯ	12/03/2010	Nam Định	Yên Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.5	9.2	11	25	
2	120703	110795	NGUYỄN ANH THƯ	23/07/2010	Nam Định	Nghĩa An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	9.1	8.9	11	12	
3	180458	110796	NGUYỄN ANH THƯ	15/09/2010	Ostrva- CH Séc	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.8	8.3	11	18	
4	120708	110797	TRẦN ANH THƯ	21/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9.8	11	12	
5	120710	110798	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	08/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.4	9.6	11	12	
6	240508	110799	PHAN HOÀNG ANH THƯ	25/12/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.2	11	24	
7	400461	110800	TRẦN THỊ MAI THƯ	02/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.5	9	11	40	
8	170667	110801	ĐINH TRẦN MINH THƯ	10/11/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	9.4	11	17	
9	460456	110802	VŨ THỊ MINH THƯƠNG	23/04/2010	Nam Định	TT Yên Định	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.3	7.7	11	46	
10	120715	110803	ĐINH NGỌC THỦY TIÊN	12/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.4	9.4	11	12	
11	180478	110804	ĐẶNG THUY TRANG	04/12/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.8	7.2	11	18	
12	560510	110805	HOÀNG THU TRANG	08/01/2010	Nam Định	Thọ Nghiệp	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.4	8.8	11	56	
13	190562	110806	NGÔ MAI TRANG	13/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.1	7.1	11	19	
14	210376	110807	NGUYỄN THU TRANG	08/02/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	9.1	8	11	21	
15	220364	110808	NGUYỄN THỦY TRANG	02/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9.1	9.4	11	22	
16	210377	110809	NGUYỄN THỦY TRANG	02/02/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.1	9.5	11	21	
17	170680	110810	TRẦN QUỲNH TRANG	04/07/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	8.5	11	17	
18	310448	110811	VŨ HÀ TRANG	01/05/2010	Nam Định	Đồng Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.2	9.7	11	31	
19	170686	110812	ĐẶNG HÀ MAI TRANG	08/03/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.7	9	11	17	
20	560513	110813	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	22/09/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	9.4	11	56	
21	120743	110814	TRẦN NGUYỄN QUỲNH TRANG	25/03/2010	Hải Dương	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.4	11	12	
22	240539	110815	NGUYỄN BẢO TRÂM	06/11/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.8	8.1	11	24	
23	120752	110816	ĐINH BẢO TRẦN	05/02/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	9.7	11	12	
24	370423	110817	PHẠM KIỀU TRINH	02/12/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.2	9.1	11	37	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 62 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

Mã số : 110818 đến Mã số : 110833

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	560521	110818	VŨ KIỀU TRINH	05/04/2010	Nam Định	Xuân Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	8.2	11	56	
2	120757	110819	NGUYỄN MINH TRÍ	22/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	8.7	11	12	
3	300421	110820	ĐỖ THANH TRÚC	04/11/2010	Nam Định	Điền Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.5	8.3	11	30	
4	510484	110821	NGUYỄN BẢO TRÚC	01/05/2010	Nam Định	Giao Yên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.5	9	11	51	
5	170698	110822	TRẦN MAI THANH TRÚC	27/10/2010	Nam Định	Mỹ Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.7	9.4	11	17	
6	210399	110823	TRẦN MAI BẢO TUYẾT	23/08/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	8.9	7.3	11	21	
7	120780	110824	PHẠM NHÃ UYÊN	05/03/2010	Hà Nội	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.8	8.8	11	12	
8	250471	110825	PHẠM TÚ UYÊN	17/10/2010	Nam Định	Yên Bình	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.5	9.4	11	25	
9	230361	110826	TRẦN KHÁNH UYÊN	01/09/2010	Nam Định	xã Hiên Khánh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.4	9.6	11	23	
10	140452	110827	TRẦN PHƯƠNG UYÊN	09/02/2010	Hà Nam	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7	8.4	8.5	11	14	
11	600538	110828	VŨ PHƯƠNG UYÊN	15/02/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	8.6	11	60	
12	120785	110829	VŨ TRẦN PHƯƠNG UYÊN	19/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.2	8	11	12	
13	170726	110830	LÊ TRẦN THU UYÊN	08/02/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.8	9.3	11	17	
14	400522	110831	BÙI THỊ TÚ UYÊN	16/04/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	9.5	11	40	
15	120787	110832	NGUYỄN VŨ TÚ UYÊN	20/04/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9	9	11	12	
16	240577	110833	VŨ THỊ TÚ UYÊN	25/06/2010	Nam Định	Yên Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	8.7	11	24	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 63 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

MÔN CHUYÊN : Văn Chuyên

Mã số : 110834 đến Mã số : 110848

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	240578	110834	NINH KHÁNH VÂN	20/02/2010	Nam Định	Yên Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.2	7.9	11	24	
2	600541	110835	TRẦN BÍCH VÂN	20/08/2010	Nam Định	xã Nghĩa Sơn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9	8.1	11	60	
3	310495	110836	VŨ CẨM VÂN	31/08/2010	Nam Định	Nam Dương	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.8	9.6	11	31	
4	120800	110837	BẠCH TƯỜNG VY	07/03/2010	Hà Nam	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	9.5	11	12	
5	500573	110838	CAO HÀ VY	22/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.7	8.5	11	50	
6	140472	110839	TRỊNH THẢO VY	25/03/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.3	8.3	8.5	11	14	
7	570436	110840	VŨ HÀ VY	08/04/2010	Nam Định	Xuân Đài	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	8.5	8.6	11	57	
8	420508	110841	BÙI THỊ HÀ VY	09/12/2010	Nam Định	Hải Triều	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.4	8.7	8.9	11	42	
9	120816	110842	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG VY	07/08/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.5	8.8	11	12	
10	600561	110843	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	02/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	9.1	11	60	
11	240595	110844	DƯƠNG THỊ YẾN VY	01/09/2010	Nam Định	Yên Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	8.3	11	24	
12	170758	110845	LÊ HẢI YẾN	26/04/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.3	8.7	11	17	
13	170759	110846	NGUYỄN HẢI YẾN	30/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9.3	9.6	11	17	
14	270314	110847	NGUYỄN THỊ YẾN	10/03/2010	Nam Định	Yên Đồng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.1	9.7	11	27	
15	120822	110848	TRẦN THỊ BẢO YẾN	23/09/2010	Nghệ An	Nam Mỹ	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.5	8.7	8.4	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học bạ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng :

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH ĐỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 64 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 111439 đến Mã số : 111462

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sử Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170014	111439	TRẦN NGỌC GIA AN	14/11/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.2	8.4	11	17	
2	400011	111440	HOÀNG PHƯƠNG ANH	11/08/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.4	9	11	40	
3	120033	111441	LÊ LAN ANH	07/01/2010	Hà Nam	Lộc Hà	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.1	8.9	11	12	
4	220007	111442	NGUYỄN HIỀN ANH	24/08/2010	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	8.8	11	22	
5	170038	111443	NGUYỄN NGỌC ANH	08/01/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.1	7.1	11	17	
6	120064	111444	TRẦN HOÀI ANH	30/09/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	7.8	11	12	
7	190039	111445	TRẦN NGỌC ANH	21/09/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	7.8	8	11	19	
8	170059	111446	TRẦN PHƯƠNG ANH	15/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.8	9.3	11	17	
9	140051	111447	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	09/03/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	8.9	9.6	11	14	
10	310039	111448	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	12/12/2010	Nam Định	Nghĩa An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8	8.7	11	31	
11	140056	111449	NGUYỄN PHẠM TÚ ANH	22/06/2010	Nam Định	Lộc Vượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.5	9.1	11	14	
12	170089	111450	TRẦN THỊ VĂN ANH	03/12/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.7	8.5	11	17	
13	120126	111451	ĐINH THIÊN BÌNH	14/07/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.5	9.8	11	12	
14	120138	111452	LÊ TRẦN MINH CHÂU	01/02/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8	9	11	12	
15	200057	111453	NGUYỄN QUỲNH CHI	25/03/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	7.8	8.5	11	20	
16	170137	111454	HOÀNG MAI QUÊ CHI	28/01/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.6	9	11	17	
17	150109	111455	PHÙNG VŨ TUẤN CƯỜNG	04/08/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.1	11	15	
18	300088	111456	TỔNG NGỌC DIỆP	25/10/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.9	8.5	8.6	11	30	
19	170142	111457	TÔ THỊ NGỌC DIỆP	08/09/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	8.1	11	17	
20	170143	111458	ĐÀO VŨ HUYỀN DIỆU	10/04/2010	Thái Bình	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	8.5	7.5	11	17	
21	500155	111459	ĐOÀN THỊ ĐÀN	29/03/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.7	9.2	11	50	
22	120209	111460	ĐINH TIẾN ĐOÀN	21/12/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.7	9.7	11	12	
23	220084	111461	NGUYỄN THẾ ĐỨC	12/02/2010	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	9.1	11	22	
24	120225	111462	TRẦN HƯƠNG GIANG	11/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9.3	9.6	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 65 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 111463 đến Mã số : 111486

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sử Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170234	111463	LÊ NGỌC HÂN	11/05/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.4	8.1	11	17	
2	120272	111464	TRẦN THỊ THU HIỀN	05/04/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.7	9	11	12	
3	220114	111465	VŨ THU HOÀI	11/08/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.2	8.4	11	22	
4	180182	111466	NGUYỄN QUỐC HOÀN	31/05/2010	Hà Giang	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.1	9.3	11	18	
5	230122	111467	PHẠM XUÂN HUÂN	10/08/2010	Nam Định	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.7	8.2	11	23	
6	220140	111468	BÙI LÊ KHÁNH HUYỀN	16/11/2009	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.4	9	11	22	
7	120314	111469	TRẦN TUẤN HUNG	21/09/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8.3	8.9	11	12	
8	120319	111470	VŨ THU HƯƠNG	10/06/2010	Nam Định	Lý Thường Kiệt	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.1	11	12	
9	150279	111471	NGUYỄN NGỌC LAN HƯƠNG	15/06/2010	Thái Bình	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	8.6	6.5	11	15	
10	300191	111472	PHẠM NGỌC THU HƯƠNG	03/04/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.3	7.7	11	30	
11	600243	111473	VŨ HỒNG KHANH	22/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.5	8.4	11	60	
12	170385	111474	HOÀNG PHƯƠNG LINH	22/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.5	8.4	11	17	
13	170400	111475	TRẦN HÀ LINH	16/06/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.5	9.5	11	17	
14	120413	111476	NGUYỄN ĐẶNG HÀ LINH	10/11/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	9.2	11	12	
15	120419	111477	TRẦN THỊ MAI LINH	05/07/2010	Nam Định	Mỹ Tân	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.2	9.4	11	12	
16	170419	111478	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	06/09/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	9	11	17	
17	180283	111479	NGUYỄN VĂN LONG	25/02/2010	Nam Định	Mỹ Hà	A	Tốt	Khá	Đỗ			8	7.2	7.3	11	18	
18	310251	111480	NGUYỄN THÀNH LỘC	11/02/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.2	8.5	11	31	
19	200230	111481	ĐỖ PHẠM KHÁNH LY	01/03/2010	Thành phố Hà Nội	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.3	8.6	11	20	
20	120441	111482	NGUYỄN THỊ NGỌC LY	01/05/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9	11	12	
21	140276	111483	TRẦN CAO MINH	26/02/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8	7.4	11	14	
22	170480	111484	HOÀNG NGUYỄN GIA MINH	03/03/2010	Thành phố Hà Nội	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8	8	11	17	
23	140282	111485	TRẦN PHẠM NHẬT MINH	05/05/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	8.1	11	14	
24	140290	111486	NGUYỄN HẢI NAM	31/10/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.5	9.1	11	14	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 66 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sử Chuyên

Mã số : 111487 đến Mã số : 111502

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	350379	111487	PHAN THANH NGA	11/10/2010	Nam Định	Thị trấn Cát Thành	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	9.1	11	35	
2	120512	111488	NGUYỄN VŨ BÍCH NGÂN	27/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.3	8.7	11	12	
3	120517	111489	DƯƠNG MINH NGỌC	22/08/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	9.2	9.5	11	12	
4	500363	111490	ĐẶNG THỊ MINH NGỌC	19/10/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.8	8	11	50	
5	400348	111491	ĐẶNG THÚY NGUYỄN	13/12/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.3	8.5	11	40	
6	120567	111492	VŨ QUỲNH NHI	30/05/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9	8.9	11	12	
7	170545	111493	VŨ YẾN NHI	27/03/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	9	7.7	11	17	
8	140329	111494	ĐẶNG THỊ NHUNG	26/03/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.2	8.1	11	14	
9	600408	111495	NGUYỄN THIÊN PHÚ	16/04/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	9.4	11	60	
10	120602	111496	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	13/03/2010	Thái Bình	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.6	9.1	11	12	
11	170578	111497	NGUYỄN THU PHƯƠNG	15/11/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.7	9.1	11	17	
12	170581	111498	TRẦN MINH PHƯƠNG	03/02/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.5	8.2	11	17	
13	300339	111499	TRẦN NHƯ QUỲNH	01/11/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	8.3	8.9	11	30	
14	370346	111500	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	03/10/2010	Nam Định	Nam Tiến	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9.2	11	37	
15	170614	111501	NGÔ DƯƠNG NGỌC SON	04/02/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.5	9.1	11	17	
16	120658	111502	TRẦN PHAN HẢ THANH	24/01/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.1	9.3	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 67 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

HĐ thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Sử Chuyên

Mã số : 111503 đến Mã số : 111518

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	220328	111503	LÊ THỊ THANH THẢO	30/09/2010	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.4	9	11	22	
2	120690	111504	ĐINH THỊ GIA THUẬN	09/11/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	9.3	9	11	12	
3	220345	111505	BÙI THỊ THANH THỦY	26/11/2010	Nam Định	Thành Lợi	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.4	8.8	11	22	
4	120725	111506	HOÀNG LINH TRANG	29/10/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	9	11	12	
5	300401	111507	NGUYỄN THU TRANG	18/05/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.7	9.1	11	30	
6	120747	111508	PHẠM THỊ BẠCH TRÀ	12/04/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.9	9.2	9.4	11	12	
7	180494	111509	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÚC	29/06/2010	Nam Định	Mỹ Thuận	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9.7	8	11	18	
8	120768	111510	ĐÀO THANH TÚ	17/02/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.5	8.5	11	12	
9	210408	111511	BÙI THẢO VI	28/06/2010	Nam Định	Quang Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.7	9.3	11	21	
10	120794	111512	NGÔ THỊ KIỀU VI	06/10/2010	Thái Nguyên	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.3	8.9	11	12	
11	170731	111513	LÊ TUẤN VIỆT	09/07/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	7.8	7.8	11	17	
12	200427	111514	BÙI NGUYỄN HUY VŨ	01/01/2010	Nam Định	Trần Huy Liệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	7.4	9.2	11	20	
13	120801	111515	DƯƠNG NGỌC VY	09/07/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.5	8	8.6	11	12	
14	170751	111516	LÊ VŨ AN VY	19/04/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.2	8.4	8.5	11	17	
15	120814	111517	ĐOÀN NGỌC LAM VY	28/10/2010	Nam Định	Tô Hiệu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.6	9.8	11	12	
16	120825	111518	MAI NHƯ Ý	25/06/2010	Thành phố Hà Nội	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8	8.1	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ học tập của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ... SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ... SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ... SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ... SBD vắng :

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 68 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 111357 đến Mã số : 111380

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Địa Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170002	111357	ĐỒNG HOÀI AN	25/05/2010	Thái Bình	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	7.7	8.9	11	17	
2	120014	111358	MAI THỊ THANH AN	13/09/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	7.5	8	11	12	
3	260004	111359	BÙI TRÂM ANH	17/10/2010	Nam Định	Yên Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9	9.2	11	26	
4	120018	111360	ĐẶNG DIỆP ANH	03/12/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.2	9.5	11	12	
5	120020	111361	ĐẶNG NHẬT ANH	27/06/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	9.1	9.5	11	12	
6	370011	111362	ĐẶNG TUẤN ANH	01/01/2010	Nam Định	Đào Sư Tích	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.5	9	11	37	
7	360006	111363	HOÀNG PHƯƠNG ANH	05/01/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	9.1	8.1	11	36	
8	120028	111364	LÊ DIỆP ANH	16/11/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	9.4	11	12	
9	200012	111365	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	06/12/2010	Nam Định	xã Tam Thanh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.8	8.3	11	20	
10	120052	111366	PHẠM CHÂU ANH	03/04/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.1	9.4	11	12	
11	330019	111367	NGUYỄN THỊ LAN ANH	02/10/2010	Nam Định	Nam Toàn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	8.9	11	33	
12	200022	111368	PHẠM THỊ LAN ANH	02/06/2010	Nam Định	xã Tam Thanh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	9.1	9	11	20	
13	500048	111369	PHẠM MAI PHƯƠNG ANH	05/03/2010	Thanh Hóa	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.1	9.2	11	50	
14	210047	111370	MAI THỊ VÂN ANH	16/05/2010	Đồng Nai	Xã Kim Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	9.1	9	11	21	
15	210048	111371	BÙI NGỌC ÁNH	30/08/2010	Nam Định	Xã Kim Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9.2	9.6	11	21	
16	190083	111372	TRIỆU HUYỀN GIA BẢO	04/12/2010	Nam Định	Mỹ Tân	A	Tốt	Khá	Đỗ			7.8	7.4	8.1	11	19	
17	240073	111373	NGUYỄN THỊ DIỆU CHANG	25/07/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8	7.4	11	24	
18	170118	111374	ĐẶNG TRẦN MINH CHÂU	27/09/2010	Nam Định	Lộc Vượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.6	8.2	11	17	
19	170124	111375	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	09/02/2010	Thành phố Hà Nội	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.7	8.8	11	17	
20	560162	111376	ĐỖ TUẤN DƯƠNG	07/03/2010	Nam Định	Xuân Bắc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.3	9.1	11	56	
21	170165	111377	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	28/02/2010	Vũng Tàu	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	9.2	9.5	11	17	
22	170175	111378	HOÀNG TIẾN ĐẠT	22/04/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.4	8.5	11	17	
23	170178	111379	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	28/02/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	8.4	11	17	
24	400148	111380	TRẦN TRỌNG ĐẠT	25/11/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.1	9.1	11	40	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 69 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

Mã số : 111381 đến Mã số : 111404

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Địa Chuyên

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120199	111381	ĐỖ HẢI ĐĂNG	20/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.4	8.8	11	12	
2	140131	111382	NGUYỄN MINH ĐĂNG	07/03/2010	Nam Định	Quang Trung	A	Tốt	Khá	Đỗ			8.9	7.4	7.1	11	14	
3	170200	111383	NGUYỄN ANH ĐỨC	25/02/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.6	8.4	11	17	
4	170203	111384	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	01/12/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.6	9.4	11	17	
5	120233	111385	ĐẶNG KHÁNH HÀ	05/11/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.5	8.2	8.4	11	12	
6	120262	111386	TRẦN GIA BẢO HÂN	18/11/2010	Thành phố Hà Nội	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.8	8.3	9	11	12	
7	170244	111387	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	01/08/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.5	9	9	11	17	
8	170252	111388	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/12/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.1	9	11	17	
9	140196	111389	HOÀNG HUY HÙNG	29/01/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.3	9.3	11	14	
10	170333	111390	PHẠM QUỐC KHÁNH	16/12/2010	Nam Định	Quang Trung	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.2	8.5	11	17	
11	170361	111391	NGUYỄN MINH KIẾN	12/07/2010	Nam Định	Mỹ Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	8.8	8.8	11	17	
12	120355	111392	NINH THIÊN KIM	25/04/2010	Nam Định	Tổng Văn Trần	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.2	9.7	11	12	
13	170365	111393	PHẠM NGỌC LAM	05/12/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8	9.1	11	17	
14	210204	111394	TRẦN THỊ LAN	13/05/2010	Nam Định	Xã Kim Thái	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.2	9.4	11	21	
15	120377	111395	HOÀNG HÀ LINH	17/06/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	8.9	11	12	
16	500265	111396	HOÀNG THÙY LINH	12/02/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	8.4	8.4	11	50	
17	500268	111397	NGUYỄN HÀ LINH	30/01/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.5	9.3	11	50	
18	420232	111398	NGUYỄN THÙY LINH	18/01/2010	Nam Định	Hải Hậu	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8	7.9	11	42	
19	500276	111399	TRỊNH KHÁNH LINH	13/09/2010	Nam Định	Giao Thủy	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.6	8.2	11	50	
20	170434	111400	NGUYỄN HẢI LÝ	23/08/2010	Nam Định	Lộc Vượng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.3	8.9	11	17	
21	120459	111401	ĐẶNG HUY MINH	09/11/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.9	9.5	11	12	
22	170487	111402	TRẦN HIỀN MY	23/07/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.8	8.4	11	17	
23	120489	111403	TRẦN TRÀ MY	29/03/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	8.7	9.2	11	12	
24	120502	111404	VŨ HẢI NAM	15/11/2010	Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng Văn Trần	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.7	8	9.4	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

(Ký tên, đóng dấu)

Những người đọc và nhập danh sách

(Họ tên và chữ ký)

1.

2.

Họ tên, chữ ký của các giám thị

Buổi thi thứ 1

1.

2.

Buổi thi thứ 2

1.

2.

Buổi thi thứ 3

1.

2.

Buổi thi chuyên NV1

1.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 70 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Địa Chuyên

Mã số : 111405 đến Mã số : 111421

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	120503	111405	LÊ PHÚC BẢO NAM	09/07/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.9	9.4	11	12	
2	310300	111406	NGUYỄN BÍCH NGỌC	26/05/2010	Thành phố Hà Nội	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.4	8.3	8.3	11	31	
3	170523	111407	TRẦN BẢO NGỌC	09/12/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	8	11	17	
4	170530	111408	TRẦN PHƯƠNG BẢO NGỌC	24/08/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.7	8.1	9	11	17	
5	170533	111409	TRẦN THỊ KHÁNH NGỌC	10/10/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.8	9.2	9.8	11	17	
6	600372	111410	PHẠM KHÔI NGUYỄN	06/05/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.4	9.1	11	60	
7	120548	111411	HOÀNG MINH NHẬT	10/01/2010	Nam Định	Lộc Hòa	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.7	8.8	11	12	
8	120553	111412	ĐỖ TRẦN KHÁNH NHẬT	14/04/2010	Nam Định	Hoàng Văn Thụ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.6	8.2	8.7	11	12	
9	560380	111413	TRẦN VŨ NGỌC NHI	07/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.4	8.8	11	56	
10	360297	111414	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	16/01/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.5	7.4	11	36	
11	120580	111415	VŨ TRANG NHUNG	04/04/2010	Nam Định	Lê Đức Thọ	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.9	8.9	11	12	
12	210303	111416	VŨ THỊ CẨM NHUNG	17/12/2010	Long An	Đại An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.1	11	21	
13	240388	111417	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	10/02/2010	Nam Định	Lê Quý Đôn	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.5	7.8	11	24	
14	360306	111418	BÙI THỊ KIM OANH	01/01/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.1	8.7	8.5	11	36	
15	120617	111419	CHU MINH QUANG	01/02/2010	Nam Định	Trần Đăng Ninh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.3	8.2	9.3	11	12	
16	120631	111420	PHẠM GIA QUÂN	17/06/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9.2	9.5	11	12	
17	120635	111421	NGUYỄN HOÀNG MINH QUÂN	18/11/2010	Nam Định	Hàn Thuyên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.5	8.7	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ hợp lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.

SỞ GD & ĐT NAM ĐỊNH

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Khoá ngày 05/06/2025

BẢNG GHI TÊN DỰ THI

Phòng thi số : 71 Địa điểm: THPT Trần Hưng Đạo

HD thi TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

MÔN CHUYÊN : Địa Chuyên

Mã số : 111422 đến Mã số : 111438

STT	Chữ ký	SBD	Mã trường chuyên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh THCS	NN	Xếp loại lớp 9			TB chuyên	TB CN	Toán	Văn	NN	NV 1	NV 2	Ghi chú
									HK	HL	TN								
1	170609	111422	TRẦN NHƯ QUỲNH	26/03/2010	Hà Nam	THPT Chuyên Biên HA	A	Tốt	Tốt	Đỗ			91	93	94	11	17	
2	120664	111423	ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	21/10/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.5	8.6	11	12	
3	170631	111424	NGUYỄN MINH THẢO	18/05/2010	Thành phố Cần Thơ	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.2	8.2	9.2	11	17	
4	150510	111425	TRẦN DIỆP THẢO	20/10/2010	Nam Định	Lý Tự Trọng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9.2	9.6	11	15	
5	210349	111426	NGUYỄN GIA PHƯƠNG THẢO	20/05/2010	Nam Định	Đại An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.9	9	8.3	11	21	
6	120712	111427	VŨ TRẦN MINH THƯ	07/12/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.4	9.3	11	12	
7	300408	111428	TRẦN THỊ HUỲNH TRANG	02/01/2010	Nam Định	Nguyễn Hiền	A	Tốt	Tốt	Đỗ			7.9	8.3	8.6	11	30	
8	400485	111429	PHẠM THỊ THU TRANG	18/08/2010	Nam Định	TT Quất Lâm	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.4	9	8.5	11	40	
9	360426	111430	LÃ PHƯƠNG TRINH	13/09/2010	Nam Định	Thị trấn Ninh Cường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	8.9	8.9	11	36	
10	140430	111431	BÙI NGỌC KIỀU TRINH	14/10/2010	Nam Định	Mỹ Xá	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.3	7.6	11	14	
11	210390	111432	VŨ THỊ THANH TRÚC	06/05/2010	Nam Định	Đại An	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.3	9	9.3	11	21	
12	170729	111433	TRẦN TƯỜNG VI	26/05/2010	Nam Định	Trần Bích San	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9	9	9.3	11	17	
13	120803	111434	HOÀNG KHÁNH VY	02/01/2010	Nam Định	Phùng Chí Kiên	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.8	8.1	9.2	11	12	
14	560566	111435	TRẦN THỊ HOÀNG VY	02/10/2010	Nam Định	Xuân Trường	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.1	8.2	8.5	11	56	
15	600562	111436	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	24/07/2010	Nam Định	Nghĩa Hưng	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8.2	8.2	8.5	11	60	
16	260492	111437	TRẦN THỊ HẢI YẾN	10/01/2010	Nam Định	Yên Phúc	A	Tốt	Tốt	Đỗ			9.6	9.3	9.2	11	26	
17	120824	111438	TRẦN THỊ MINH YẾN	21/12/2010	Nam Định	Lương Thế Vinh	A	Tốt	Tốt	Đỗ			8	8	8.2	11	12	

HỘI ĐỒNG COI THI XÁC NHẬN

- Bảng này có thí sinh đã được ghi đúng theo hồ sơ lập lệ của học sinh.

- Số hs thi ngoại ngữ: Tiếng Anh: Tiếng Pháp: Tiếng Nga:

- Số chỗ sửa chữa trong bảng : ...

- Số thí sinh dự thi môn Văn : ...

SBD vắng :

- Số thí sinh dự thi môn Toán : ...

SBD vắng :

Nam Định, ngày 05/06/2025

- Số thí sinh dự thi môn ngoại ngữ : ...

SBD vắng :

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI

- Số thí sinh dự thi môn chuyên : ...

SBD vắng :

(Ký tên, đóng dấu)

- Số thí sinh vi phạm qui chế thi : ...

Những người đọc và nhập danh sách

Họ tên, chữ ký của các giám thị

(Họ tên và chữ ký)

Buổi thi thứ 1

Buổi thi thứ 2

Buổi thi thứ 3

Buổi thi chuyên NV1

1.

1.

1.

1.

1.

2.

2.

2.

2.

2.